

Số: 19/22/CBTT-DBT

TP. Bến Tre, ngày 14 tháng 04 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN
Báo cáo thường niên năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng điều hành tại TP HCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Nguyễn Thị Cấp Tiến.
7. Loại thông tin công bố: định kỳ.
8. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2021 của CTCP Dược phẩm Bến Tre đã được lập ngày 14/04/2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.



PHẠM THỨ TRIỆU



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM **2021**

ĐỊNH NGHĨA

Viết tắt	Viết đầy đủ
BCTC	Báo cáo tài chính
Bepharco	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
Biopharco	Công ty Cổ phần Vắc Xin và Sinh phẩm Nha Trang
Ypharco	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái
Codupha	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông Công ty
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BKTNB	Ban kiểm toán nội bộ
CT	Công ty
CP	Cổ phiếu, cổ phần

ĐỊNH NGHĨA (tiếp theo)

Viết tắt	Viết đầy đủ
DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
CTCP	Công ty cổ phần
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
ETC	Kênh bán hàng qua bệnh viện và các cơ sở y tế
OTC	Kênh bán hàng qua nhà thuốc, quầy thuốc
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VNR	Công ty Việt Nam Report



Chương I:

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát	8
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	20
4. Định hướng phát triển	26
5. Các rủi ro	28

Chương II:

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	34
2. Tổ chức và nhân sự	35
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	44
4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	46
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	50
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	51

Chương III:

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021	54
2. Tình hình công nợ	56
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	58
4. Các kế hoạch hoạt động trong năm 2021	59

Chương IV:

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Công ty	62
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	64

Chương V:

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	68
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị	69

Chương VI:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.	72
- Đường link đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính của DBT năm 2021 đã được kiểm toán.	72



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro



I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Tên viết tắt: BEPHARCO

Tên Tiếng Anh: Ben Tre Pharmaceutical Joint Stock Company

Mã cổ phiếu: DBT

Trụ sở chính: Số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

VP điều hành: Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, P Tân Thới Hòa, Q Tân Phú, TPHCM

Điện thoại: (028) 3622 0205

Email: bepharco.vietnam@bepharco.com

Fax: (028) 3961 0613

Website: www.bepharco.com



BEPHARCO

Vốn điều lệ:

142.051.160.000 đồng

Vốn chủ sở hữu:

199.556.643.203 đồng

Đăng ký DN:

Số 1300382591

do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 05/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 03/02/2021



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Công ty Dược phẩm Bến Tre được thành lập trên cơ sở sáp nhập Phòng Bào chế thuốc của tỉnh phục vụ cung ứng thuốc cho chiến trường với Tổng kho Dược và các nhà thuốc mới tiếp quản sau 30.04.1975.

1978

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định thành lập Xí nghiệp Dược phẩm Bến Tre hoạt động song song cùng với Công ty Dược phẩm Bến Tre.

2004

Công ty Dược & Vật tư Y tế Bến Tre cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (Bepharco), với vốn điều lệ 20 tỷ đồng, Nhà nước sở hữu 51% vốn điều lệ.

2007

Công ty phát hành thêm 1.000.000 triệu cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cổ phần), tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng.

1983

Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Dược phẩm Bến Tre và Xí nghiệp Dược phẩm Bến Tre.

1992

Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được đổi tên thành Công ty Dược & Vật tư Y tế, chức năng kinh doanh là sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế.

2009

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (Bepharco) chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là DBT.

2013

Nhà nước thực hiện thoái vốn, giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại Bepharco từ 51% xuống còn 34% vốn điều lệ.

2014



Công ty phát hành thêm 3.999.895 cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 69,99 tỷ đồng.

Tháng 12/2014, Nhà nước thoái vốn hoàn toàn tại Bepharco.

2015



Công ty phát hành thêm 699.913 cổ phần để chi trả cổ tức lần 2 năm 2014, tăng vốn điều lệ lên 76,99 tỷ đồng.

Tháng 8/2015 CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha (Codupha) trở thành Công ty liên kết của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 25,16%.

2016



Công ty phát hành thêm 4.614.686 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, chi trả cổ tức và cổ phiếu ESOP, tăng vốn điều lệ lên 123,14 tỷ đồng.

2017



2017



Tháng 3/2017 CTCP Dược phẩm Yên Bái (Ypharco) trở thành Công ty con của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 51,84%.

Tháng 4/2017 CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (Bio-pharco) trở thành Công ty con của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 51,0%.

Bepharco triển khai phân phối độc quyền 02 nhóm hàng của Công ty con theo định hướng phát triển lâu dài của Công ty trong chuỗi giá trị ngành dược, bao gồm nhóm đông dược và sinh phẩm.

2019



Công ty phát hành riêng lẻ 1.214.320 cổ phiếu cho các nhà đầu tư chiến lược, tăng vốn điều lệ lên 135,28 tỷ đồng.

Tháng 7/2019, Bepharco thực hiện tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty con Ypharco từ 51,84% lên 82,15% nhằm tăng quyền chủ động điều hành trong sản xuất kinh doanh.

Năm 2019 là năm đầu tiên nhiệm kỳ mới của Hội đồng Quản trị Công ty (2019-2023), là năm Bepharco thực hiện tái cấu trúc toàn diện từ, Công ty mẹ đến các Công ty con, từ HĐQT đến các phòng ban trực thuộc, thực hiện triển khai các kế hoạch định hướng trong 05 năm của ĐHCĐ và HĐQT đã đề ra.

2021



Công ty phát hành thêm 676.302 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 142,05 tỷ đồng

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trong nhiều năm qua, Bepharco đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen, giải thưởng bình chọn, cúp chứng nhận từ Nhà nước, các bộ ngành và địa phương, cụ thể như sau:

- 🏆 Huân chương lao động hạng 3 năm 1987 - Chủ tịch nước.
- 🏆 Huân chương lao động hạng 2 năm 1992 - Chủ tịch nước.
- 🏆 Huân chương lao động hạng 1 năm 1997- Chủ tịch nước.
- 🏆 Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005, 2008 - Bộ Khoa học và Công nghệ.
- 🏆 Doanh nghiệp Việt Nam Uy tín - Chất lượng (Trust brand) năm 2006, 2007, 2008 - Báo Thông tin thương mại (Bộ thương mại) - Vietnaminterprise.
- 🏆 Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2006, 2008 – UBND tỉnh Bến Tre.
- 🏆 Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2006 – Cờ thi đua Chính phủ.
- 🏆 Đơn vị xuất sắc nhất trong phong trào “Xanh, sạch, đẹp. Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” năm 2005 – Tổng LĐLĐ Việt Nam.
- 🏆 Đơn vị đạt giải nhì khối thi đua năm 2010 – UBND tỉnh Bến Tre; Bằng khen của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam – Với thành tích đã thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2015 và 2016.
- 🏆 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX năm 2015 – 2016.
- 🏆 Top 10 công ty phân phối, kinh doanh dược phẩm; trang thiết bị, vật tư y tế Việt Nam uy tín năm 2020 do VNR đánh giá xếp hạng.



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

2.1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người.

Bán buôn, bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học.

Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế.

Cho thuê mặt bằng kinh doanh.



2.2. ĐỊA BÀN KINH DOANH

Rộng khắp 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

Mạng lưới phân phối của DBT trải rộng trên toàn quốc, phủ khắp 63 tỉnh thành.

Trụ sở chính tại TP Bến Tre.

Văn phòng điều hành tại TPHCM
gồm Ban điều hành và các phòng ban chức năng.

08 chi nhánh trực thuộc quản lý mạng lưới bán hàng phủ khắp toàn quốc.
Địa bàn phân phối ở 63 tỉnh, TP với hơn 34.000 khách hàng

CHI NHÁNH BẾN TRE

Phân phối trên địa bàn 05 tỉnh, gồm: Bến Tre, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Phân phối trên địa bàn 06 tỉnh, gồm TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa-Vũng Tàu.

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Phân phối trên địa bàn 12 tỉnh, gồm Hà Nội, Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng.

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Phân phối trên địa bàn 8 tỉnh, gồm Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An.

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Phân phối trên địa bàn 10 tỉnh, gồm Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng.

CHI NHÁNH KHÁNH HÒA

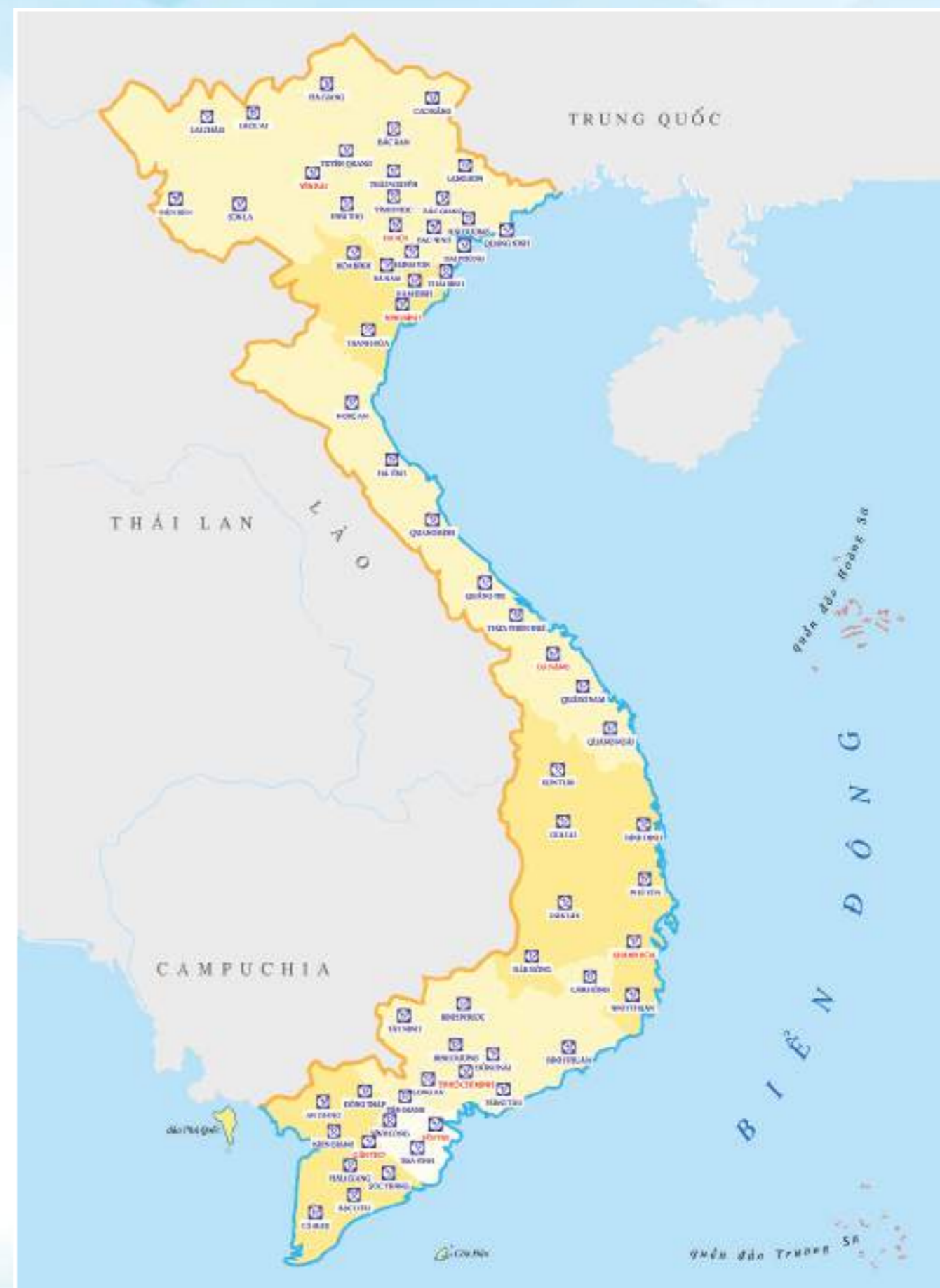
Phân phối trên địa bàn 8 tỉnh gồm Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng.

CHI NHÁNH NINH BÌNH

Phân phối trên địa bàn 6 tỉnh, gồm Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Nam, Hòa Bình.

CHI NHÁNH YÊN BÁI

Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu, Phú Thọ, Sơn La, Tuyên Quang, Lào Cai.



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty được tổ chức theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị), Ban Tổng Giám đốc.





ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có những trách nhiệm chính: thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về hướng phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT về phương án kinh doanh và phương án đầu tư, kiến nghị cách bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty đồng thời đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị

- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH KINH DOANH

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động của khối kinh doanh

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động của khối tài chính kế toán

Phòng Tài chính Kế toán: Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, tổ chức bộ máy tài chính kế toán, thực hiện quản lý nguồn vốn, tài sản, cân đối thu chi.

Phòng Hành chính Nhân sự: Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về sắp xếp, bố trí nguồn nhân sự phục vụ sản xuất kinh doanh, phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty, quản lý nhân sự tiền lương, hành chính, văn phòng,...

Phòng Vận hành kinh doanh: Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kinh doanh, quản lý các chỉ tiêu kinh doanh của từng chi nhánh, địa bàn, nhân viên bán hàng; theo dõi doanh số và đề xuất các chương trình khuyến mại, chính sách bán hàng phù hợp với từng chi nhánh, địa bàn nhằm thúc đẩy doanh số và hoàn thành được kế hoạch tháng, quý, năm

Phòng Kế hoạch: Tham mưu cho Tổng giám đốc về kế hoạch nhập các hàng hóa, sản phẩm để kinh doanh trong từng tháng, quý, năm. Tham mưu cho Tổng giám đốc về các sản phẩm tiềm năng để thương lượng với đối tác. Xây dựng kế hoạch và điều động hàng hóa, đảm bảo nhu cầu hàng hóa kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc Công ty.

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động của khối sản xuất.

Phòng Marketing: Triển khai thực hiện và đánh giá các chương trình quảng bá, tiếp thị sản phẩm, xây dựng kế hoạch phát triển hình ảnh, thương hiệu; Làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về các chiến lược quảng bá, tiếp thị sản phẩm, mở rộng thị trường;

Nhà Máy

+ **Phòng nghiên cứu sản xuất:** làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công tác cải tiến sản phẩm, nghiên cứu các sản phẩm mới và đăng ký lưu hành thuốc, theo dõi các hoạt động kỹ thuật, tham gia giải quyết các sự cố kỹ thuật trong quá trình sản xuất

+ **Bộ phận Kiểm tra chất lượng:** Thực hiện việc xây dựng tiêu chuẩn và phương pháp kiểm nghiệm đối với nguyên liệu, bao bì, bán thành phẩm, thành phẩm.

+ **Bộ phận Đảm bảo chất lượng:** thực hiện công tác quản lý hệ thống chất lượng, soát xét tài liệu nội bộ, giám sát từ khâu mua nguyên liệu đầu vào, quá trình sản xuất đến thành phẩm xuất xưởng đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng, cập nhật thông tin, quy định hiện hành của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

+ **Xưởng sản xuất:** thực hiện tất cả các công đoạn sản xuất từ khâu nhận nguyên phụ liệu đến khi sản xuất ra thành phẩm cuối cùng theo đúng các quy trình đã phê duyệt.



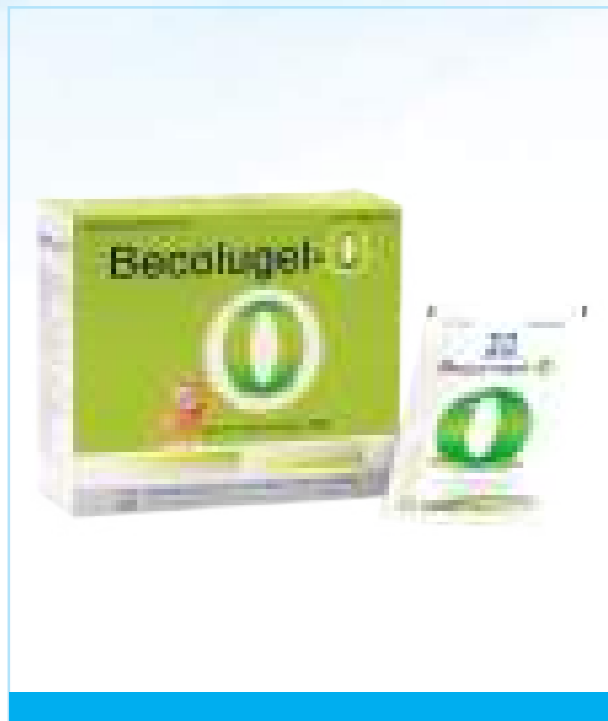
QUI MÔ CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT TRỰC THUỘC

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI BEPHARCO

- Nhà xưởng sản xuất đạt chuẩn GMP WHO có diện tích: 1.474,25 m² được xây trên diện tích đất hơn 4.000 m².
- Địa điểm: Số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn "Thực hành tốt sản xuất thuốc" (GMP WHO), số: 527/GCN-QLD, cấp ngày 27 tháng 8 năm 2019.

Dòng sản phẩm chủ lực:

Thuốc dạng siro và thuốc dạng hỗn dịch uống.



NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI YPHARCO

- Nhà máy sản xuất đạt chuẩn GMP WHO diện tích sàn 2.800 m² được xây trên diện tích đất 6.500 m².
- Địa điểm : số 725 đường Yên Ninh, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn "Thực hành tốt sản xuất thuốc" (GMP WHO), số: 409/GCN-QLD, cấp ngày 08 tháng 07 năm 2021.

Dòng sản phẩm chủ lực:

Thuốc đông dược, thực phẩm chức năng từ đông dược, thảo dược.



4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Với phương châm “THUỐC TỐT – SỨC KHỎE TỐT”, mục tiêu của Bepharco là góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
- Bepharco hướng đến mục tiêu nằm trong top 5 công ty phân phối dược phẩm lớn nhất của Việt Nam và từng bước mở rộng thị trường đến các nước trong khu vực.
- Tăng cường công tác đầu tư và phát triển các sản phẩm mới chất lượng tốt từ sản xuất trực tiếp, tới tăng cường nhập khẩu và liên kết với các doanh nghiệp trong ngành đảm bảo đa dạng hoá các sản phẩm của Bepharco.
- Cải tiến các sản phẩm hiện có cho phù hợp với thị trường, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, truyền thống do công ty sản xuất, kinh doanh.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, phát triển mạng lưới bán hàng phủ khắp 63/63 tỉnh thành trong cả nước, với mục tiêu trở thành nhà phân phối lớn, uy tín, cùng với cơ sở vật chất hiện đại, cũng như ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác bán hàng để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.
- Đẩy mạnh phát triển song song và đồng bộ trên 3 kênh bán hàng: kênh đấu thầu, quầy thuốc, nhà thuốc và kênh dịch vụ.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Triển khai đầu tư, nghiên cứu, đăng ký những sản phẩm mới từ hóa dược, sinh phẩm và đặc biệt là nhóm sản phẩm đông dược, dược liệu mà Việt Nam có lợi thế để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.
- Đẩy mạnh tìm kiếm đối tác hợp tác sản xuất trong và ngoài nước, mục tiêu đưa vào thị trường nhiều sản phẩm mới phù hợp chiến lược kinh doanh.
- Triển khai đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong tình hình mới.
- Đầu tư nâng cấp, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu từ Công ty mẹ đến các Công ty con.
- Liên tục đầu tư, nâng cấp ứng dụng công nghệ trong công tác sản xuất, quản lý, kinh doanh và bán hàng, phù hợp tốc độ chuyển đổi số của Việt Nam hiện nay và định hướng trong thời gian tới.
- Tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất từ công ty mẹ đến các công ty con, từ văn



phòng điều hành đến mạng lưới 8 chi nhánh trực thuộc, cũng như hệ thống logistic phục vụ cho chuỗi cung ứng xuyên suốt và đồng bộ.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

Cam kết tuân thủ nghiêm ngặt về yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, chú trọng phòng chống cháy nổ, xử lý nguồn nước thải theo đúng tiêu chuẩn của ngành và luật pháp Việt Nam.

Công ty luôn quan tâm công tác chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo để người lao động phát huy thế mạnh của bản thân góp phần vào sự thành công chung của DBT. Hơn thế nữa, Công ty hàng năm còn trích ra một phần lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh để thực hiện các công tác xã hội, hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa, quyền góp ủng hộ các hộ nghèo, gia đình gặp khó khăn, thiên tai do bão lũ gây ra,...

5. CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2021 là năm thứ hai kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng, kinh tế thế giới vẫn biến động phức tạp và phân hóa mạnh mẽ. Các nước phát triển với tỷ lệ tiêm vắc-xin cao đã có thể mở cửa và phục hồi kinh tế sớm, trong khi đó các nước mới nổi và đang phát triển có tốc độ tiêm vắc-xin chậm hơn, dịch bệnh vẫn phức tạp khiến kinh tế tiếp tục khó khăn. Thương mại toàn cầu phục hồi do nhu cầu gia tăng từ các nước lớn, song chuỗi cung ứng vẫn đứt gãy và lưu thông, vận chuyển khó khăn đẩy lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao trên toàn cầu, giá hàng hóa, nguyên vật liệu thế giới, như dầu mỏ, lương thực, thực phẩm, sắt thép, cước phí vận chuyển tăng cao nhất trong nhiều năm đã kéo theo nguy cơ lạm phát gia tăng trên toàn thế giới vào các tháng cuối năm. Điều này gây sức ép về nhập khẩu lạm phát đối với Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam nhập khẩu phần lớn nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất phục vụ xuất khẩu. Trên thực tế, mặc dù chỉ số CPI vẫn ở mức thấp, nhưng chỉ số giá sản xuất đã bắt đầu tăng nhanh: chỉ số giá sản xuất NLTS đã tăng 4,23%, chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất tăng 4,79% so với cùng kỳ năm trước trong 6 tháng đầu năm 2021. Rủi ro lạm phát chủ yếu từ nguyên nhân chi phí đẩy nên việc xử lý sẽ khó khăn hơn, bởi việc sử dụng chính sách tiền tệ bị hạn chế vì có thể làm chậm đà phục hồi tăng trưởng của nền kinh tế.

Đối với kinh tế Việt Nam, năm 2021 là một năm

đầy khó khăn, thách thức do tác động của biến chủng Delta, được đánh giá là nguy hiểm nhất từ khi đại dịch COVID-19 xuất hiện. Làn sóng Covid-19 lần thứ 4 diễn biến phức tạp tại nhiều tỉnh, thành phố kinh tế trọng điểm như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và các tỉnh lân cận gây ảnh hưởng đáng kể việc duy trì sản xuất của các doanh nghiệp, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh các nền kinh tế khác trên thế giới đã kiểm soát được dịch bệnh và mở cửa trở lại.

Theo Cục quản lý dược – Bộ y tế, tổng giá trị sản xuất trong nước đạt 2,8 tỷ USD. Hiện sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được khoảng 47% nhu cầu, số còn lại phải là nhập khẩu. Theo Tổng Cục Hải Quan, năm 2021 Việt Nam đã nhập khẩu hơn 3,3 tỷ USD dược phẩm, tăng 7,4% so với năm 2020. Thị trường nhập khẩu thuốc chủ yếu từ các nước như Pháp, Đức, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Ý, Hàn Quốc, Bỉ, Kháng sinh vẫn là nhóm dược phẩm dẫn đầu về kim ngạch, hiện thị phần nhập khẩu của nhóm thuốc này chiếm khoảng 48 % trong tổng kim ngạch nhập khẩu dược phẩm. Theo sau là nhóm thuốc chuyển hóa dinh dưỡng, nhóm vitamin và thuốc bổ; nhóm tim mạch...

RỦI RO PHÁP LUẬT

Ngành Dược là một trong những ngành chịu tác động nhiều bởi những quy định quản lý của Nhà nước. Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật

Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 chính thức có hiệu lực ngày 01/01/2017. Các văn bản dưới luật như Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; thông tư số 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thông tư số 32/2018/TT-BYT qui định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thông tư số 15/2019/TT-BYT qui định việc đấu thầu thuốc trong các cơ sở y tế công lập. Với những quy định nghiêm ngặt trong việc quản lý công tác đấu thầu, cung ứng thuốc và đăng ký lưu hành sản phẩm Công ty sẽ gặp không ít những khó khăn trong công tác bán hàng. Tuy nhiên, để giảm thiểu những rủi ro này Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định trong chuyên môn để chủ động cải thiện nội lực, áp dụng các tiêu chuẩn mới phù hợp với Luật hiện hành đảm bảo điều kiện kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Ngoài ra, CTCP Dược phẩm Bến Tre là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần niêm yết, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Luật Kế toán, Bộ luật Lao động, Luật Chứng khoán... Trong những năm gần đây, nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, ký kết nhiều hiệp định, các văn bản Luật dần được ban hành mới. Trong đó, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 thay thế Luật Chứng khoán 2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi 2010 có nhiều sửa đổi, thay thế.

Luật và các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, Công ty luôn chủ động nghiên cứu nắm bắt các quy định mới nhằm tuân thủ các điều luật, nâng cao tính minh bạch, đặc biệt là đưa khả năng quản trị Công ty tiệm cận với các thông lệ tốt của quốc tế giúp việc quản lý ngày một hiệu quả hơn.

RỦI RO CẠNH TRANH

Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), hình thành cộng đồng ASEAN vào đầu năm 2019, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) có hiệu lực sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng lớn hơn đối với các doanh nghiệp ngành dược. Tiến trình này sẽ thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại, nhất là cạnh tranh ngày càng gay gắt ngay cả trên thị trường trong nước.

Mặc dù hiện nay, kênh phân phối của Bepharco đã trải rộng khắp cả nước, tuy nhiên mức độ cạnh tranh trong những năm tới có thể gia tăng do các doanh nghiệp qui mô lớn hơn. Trong bối cảnh đó, Bepharco sẽ tiếp tục củng cố mối quan hệ với các kênh phân phối, xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng đội ngũ nhân viên tư vấn trực tiếp đến người tiêu dùng để nâng



5. CÁC RỦI RO (tiếp theo)



cao năng lực cạnh tranh của công ty, giữ vững thị phần, vị thế của Bepharco trong ngành.

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Hàng năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng tân dược từ nước ngoài, phần lớn từ châu Âu (chiếm khoảng gần 60% doanh thu của Công ty). Giá cả nhập khẩu các mặt hàng trên bị tác động bởi những biến động về tỷ giá (tỷ trọng thanh toán bằng EUR chiếm 70% tổng giá trị thanh toán). Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã tiến hành phân tích, đánh giá và dự báo biến động giá cả sản phẩm đầu vào, từ đó chủ động nhập khẩu và tồn trữ hàng hóa thích hợp.

RỦI RO SẢN PHẨM

Các công ty dược trong nước hiện nay đang phải phụ thuộc quá nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu cho sản xuất dược phẩm, có tới 90% nguyên liệu phải nhập khẩu. Phần lớn doanh nghiệp tập trung sản xuất những loại thuốc thông thường, chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư sản xuất các loại thuốc có dạng bào chế đặc biệt và thuốc chuyên khoa đặc trị. Đây luôn là vấn đề của Việt Nam trong dài hạn bởi để sản xuất dược liệu đòi hỏi phải đầu tư nhiều và cần có khả năng về công nghệ. Hiện

Việt Nam không có lợi thế cạnh tranh so với các nước khác, như Trung Quốc và Ấn Độ. Do đó, các công ty trong ngành dược có thể phải đối mặt với việc giá nguyên phụ liệu tăng cao, cũng như đối mặt với rủi ro tỷ giá.

Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc thù liên quan đến sức khỏe và tính mạng của con người. Những năm gần đây, ngành Dược phẩm Việt Nam đang đối mặt với việc hàng nhái, hàng kém chất lượng, làm giả gần nhãn mác các thương hiệu nổi tiếng xuất hiện tràn lan trên thị trường làm hoang mang cho người tiêu dùng và gây thiệt hại lớn đến uy tín, doanh số của các doanh nghiệp trong ngành. Vì vậy trong những năm tiếp theo, mục tiêu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre là tiếp tục cố gắng hoàn thiện và thực hiện nghiêm ngặt trong quy trình đóng gói, tem chống hàng giả và bộ nhận diện thương hiệu, đảm bảo quản lý hàng hoá chặt chẽ, đảm bảo chất lượng sử dụng cho người tiêu dùng.

RỦI RO LÃI SUẤT

Năm 2021, NHNN tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp và người dân. Tính từ khi dịch bệnh mới xuất hiện, NHNN đã 3 lần giảm lãi suất điều hành với mức



giảm từ 1,5%/năm đến 2%/năm và là một trong những Ngân hàng Trung ương giảm lãi suất mạnh nhất khu vực; Kết quả là, đến cuối tháng 9-2021, lãi suất huy động và cho vay bằng VND bình quân của các TCTD giảm tương ứng khoảng 0,46%/năm và 0,72%/năm so với cuối năm 2020. Với đặc thù kinh doanh của Công ty là thương mại dược phẩm nên dòng tiền để bổ sung vốn lưu động cho mục đích tồn kho hàng hóa lớn kéo theo nợ vay ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty. Khi có sự thay đổi nhỏ đối với lãi suất cho vay sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến chi phí tài chính dẫn đến ăn mòn vào lợi nhuận, tác động đến dòng tiền của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chủ động theo dõi tình hình lãi suất để đưa ra những quyết định đúng đắn và kịp thời.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Ngoài việc thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh, Công ty còn chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ Môi trường. Những hoạt động sản xuất, kinh doanh, xử lý chất thải tránh gây ô nhiễm môi trường luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Là một công ty hoạt động trong ngành Dược phẩm, sứ mệnh của Bepharco mang lại sức khỏe cho cộng đồng và xã hội. Vì vậy, Công



ty luôn ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường trong sạch, lành mạnh. Chấp hành Luật Bảo vệ Môi trường là một trong ưu tiên hàng đầu của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động giá cả, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.





2021



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng/ Giảm	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	836.410	612.049	-224.361	-37%
2	Giá vốn hàng bán	624.734	427.216	-197.518	-46%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	211.676	184.833	-26.843	-15%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	9.858	29.071	19.213	66%
5	Chi phí tài chính	26.760	24.649	-2.111	-9%
	Chi phí lãi vay	23.842	23.361	-481	-2%
6	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	4.315	1.391	-2.924	-210%
7	Chi phí bán hàng	133.411	137.103	3.692	3%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.400	36.270	-11.130	-31%
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.275	17.273	-1.002	-6%
10	Lợi nhuận khác	-1.123	426	427	100%
11	Lợi nhuận trước thuế	17.153	17.699	546	3%
12	Lợi nhuận sau thuế	14.263	12.745	-1.518	-12%
13	Lợi nhuận gộp trên doanh thu	25%	30%	5%	16%
14	Hệ số sinh lời từ hoạt động kinh doanh	2%	3%	1%	23%

Nguồn: BCTC hợp nhất của DBT 2021

Trong năm 2021, doanh thu thuần hợp nhất đạt 612 tỷ đồng, giảm 224 tỷ đồng so với năm 2020, tương đương giảm 36,7% và hoàn thành được 66,7% so với kế hoạch năm. Nguyên nhân doanh thu sụt giảm do với năm 2020 và chưa hoàn thành kế hoạch đề ra đến từ cả 2 yếu tố khách quan và chủ quan:

+ Về mặt khách quan, năm 2021 là 1 năm mà hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng nặng nề do sự bùng phát của đại dịch Covid 19. Tại DBT, việc các bệnh viện bị phong tỏa hoặc chuyển công năng điều trị Covid đã ảnh hưởng lớn đến doanh số bán hàng hệ điều trị (kênh ETC).

+ Về mặt chủ quan: Chủ trương của HĐQT trong năm qua là triển khai triệt để cắt giảm và hạn chế đến mức thấp nhất việc kinh doanh nhóm các sản phẩm thương mại có biên lợi nhuận gộp thấp (hàng mua đi bán lại của các doanh nghiệp trong nước, không phải nhóm hàng do Công ty sản xuất và độc quyền phân phối), từ đó nâng được tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu từ 25% năm 2020 lên mức 30% trong năm 2021

Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2021 tăng hơn 19,2 tỷ so với cùng kỳ năm 2020 (tương đương 66%) đến từ việc công ty chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con là công ty Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang theo Nghị quyết HĐQT số 02/27.04/NQ-HĐQT ngày 27/04/2021.

Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 12,7 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ và chỉ đạt 65,5% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm do những tác động tiêu cực từ dịch bệnh như đã nêu trên.

Mặc dù xét về mặt quy mô, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều giảm sút do với cùng kỳ, tuy nhiên xét về tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh thì năm 2021 có sự cải thiện so với năm 2020 khi tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu tăng 16% và hệ số sinh lời từ hoạt động kinh doanh tăng 23% so với cùng kỳ

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách Hội đồng quản trị tại thời điểm ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu %/vốn điều lệ
1	Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	1.525.962	10,74%
2	Bà Đậu Thị Thúy Mai (**)	Phó Chủ tịch	706.520	4,7%
3	Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	1.790.913	12,61%
4	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	0	0%
5	Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên	0	0%

(**) Theo BC kết quả giao dịch CP của người nội bộ tại thời điểm ngày 31/12/2021

(**) đã gửi đơn xin từ nhiệm TV HĐQT kể từ ngày 01/08/2021

Tóm tắt lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

Ông LÊ VĂN MINH

Chủ tịch HĐQT



Năm sinh: 1980

Địa chỉ thường trú: 28 Mỹ Thái 1A,
Phú Mỹ Hưng, Quận 7, TP. HCM.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị
Kinh doanh.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức
khác: Không có

Bà ĐẬU THỊ THÚY MAI

Phó Chủ tịch HĐQT

(Đã gửi đơn từ nhiệm ngày 01/08/2021)

Năm sinh: 1979

Địa chỉ thường trú: Phòng 106, nhà D14, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones.

Ông PHẠM THỨ TRIỆU

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1979

Địa chỉ thường trú: 4/19 Phạm Huy Thông, phường 7, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Yên Bái.

+ Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha.

+ Chủ tịch HĐQT CTCP Giám định cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu.

Ông NGUYỄN HOÀNG SƠN

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1965

Địa chỉ thường trú: Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đức Việt.

Ông TRẦN NGUYỄN GIA BẢO

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1980

Địa chỉ thường trú: 685/13P Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 26, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh Tế

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Danh sách Ban Tổng Giám đốc Công ty tại thời điểm 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu(*)
1	Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	1.790.913	12.6%
2	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Phó Tổng Giám đốc	1.026.250	7.22%
3	Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	32.921	0,23%

(*) Theo DS cổ đông ngày 21/02/2022

Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông PHẠM THỨ TRIỆU

Tổng Giám đốc



Xem lý lịch TV HĐQT

Ông NGUYỄN KHẮC HANH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Địa chỉ thường trú: 23C Bùi Minh Trực, phường 6, quận 8, TP Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Giám đốc tài chính CTCP dệt may Đông Khánh - CTCP dệt may Đông Quang (Đông Quang Group)

Ông HOÀNG XUÂN AN

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Địa chỉ thường trú: 42, Tổ 46, Ngõ 123, Đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Yên Bái.

DANH SÁCH BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Danh sách Ban Kiểm toán nội bộ tại thời điểm 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Chủ tịch	0	0%
2	Ông Lê Văn Minh	Thành viên	1.525.962	10,74%

(*) Theo BC kết quả giao dịch CP của người nội bộ tại thời điểm ngày 31/12/2021

Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Trần Nguyễn Gia Bảo – Chủ tịch

Xem lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị.

- Ông Lê Văn Minh – Thành viên

Xem lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị.

Kế toán trưởng

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Kế toán trưởng	1.026.250	7.22%

(*) Theo BC kết quả giao dịch CP của người nội bộ tại thời điểm ngày 31/12/2021

Tóm tắt lý lịch Kế toán trưởng

Xem lý lịch Thành viên Ban Tổng Giám đốc.

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BKTNB, BTGD TRONG NĂM 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày Bổ nhiệm	Ngày Miễn nhiệm
1	Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên HĐQT	06/04/2015	23/04/2021
2	Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	06/12/2018	23/04/2021
3	Lê Vinh Danh	21/04/2018	21/04/2018	23/04/2021
4	Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên HĐQT/ Chủ tịch UBKT	01.08.2021/ 05.05.2021	
5	Lê Văn Minh	Thành viên UBKT	23.07.2020	
6	Đậu Thị Thúy Mai	Thành viên UBKT	05.05.2021	01.08.2021
7	Nguyễn Khắc Hanh	Phó Tổng Giám đốc	02.04.2021	
8	Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	01.01.2019	01.07.2021
9	Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	25.12.2007	01.09.2021
10	Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	01.01.2019	01.09.2021

SỐ LƯỢNG CBCNV, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

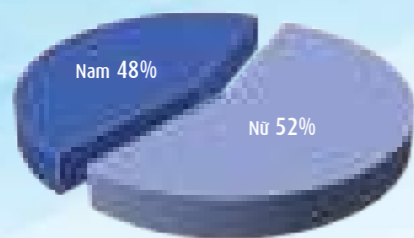
Số lượng CBCNV

Với qui mô Công ty mẹ và 02 Công ty con, tổng số nhân sự Công ty tính đến thời điểm ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Phân loại theo giới tính	597	100%
1	Nam	288	48%
2	Nữ	309	52%
B	Theo trình độ	597	100%
1	Sau đại học, Đại học, cao đẳng	311	52%
2	Trung cấp	243	41%
3	Lao động phổ thông	43	7%
C	Theo tính chất lao động	597	100%
1	Bán hàng	274	46%
2	Sản xuất	69	12%
3	Gián tiếp	254	42%

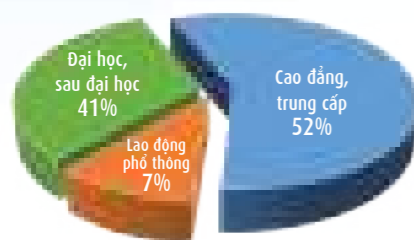


THEO GIỚI TÍNH



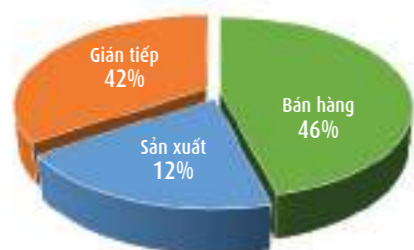
Trong 597 lao động có 288 lao động là nam giới tương ứng với tỷ lệ 48% và 309 lao động là nữ chiếm 52%. Với đặc điểm ngành hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, với yêu cầu kĩ thuật cao, sự tỉ mỉ để đảm bảo chất lượng hàng hóa nên lao động nữ chiếm ưu thế, đáp ứng nhu cầu lao động, phù hợp với tính chất hoạt động của Công ty.

THEO TRÌNH ĐỘ



Trong cơ cấu lao động theo trình độ, số lượng lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên và trình độ trung cấp lần lượt là 52% và 41%, còn lại 7% là lao động phổ thông. Công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng thuốc, là lĩnh vực liên quan đến sức khỏe cộng đồng nên cần lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, đảm bảo an toàn và kỹ thuật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

THEO TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG



Hoạt động chủ yếu của Công ty mẹ phụ trách phân phối chính, số lượng lao động trực tiếp bán hàng là 274 lao động tương ứng tỷ lệ 46%, sản xuất là 69 lao động tương ứng tỷ lệ 12%, còn lại là 254 lao động gián tiếp chiếm tỷ lệ 42%.



Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ngày và 44 giờ/tuần.

Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: theo quy định của Luật lao động.

Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc theo đúng quy định pháp luật cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khỏe cho toàn thể CBCNV trong Công ty mỗi năm một lần.

Công ty đã đóng bảo hiểm tai nạn cho 100% cán bộ nhân viên khối bán hàng và vận chuyển và bảo hiểm nhân thọ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt tại công ty qua đó tạo phúc lợi và sự yên tâm công tác cho toàn thể người lao động trong công ty

Công ty thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động, thực hiện việc đo kiểm môi trường lao động theo đúng quy định của Nhà nước

Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động, đặc biệt là đối tượng trực tiếp sản xuất, nhân viên kho, nhân viên vận hành xe nâng.

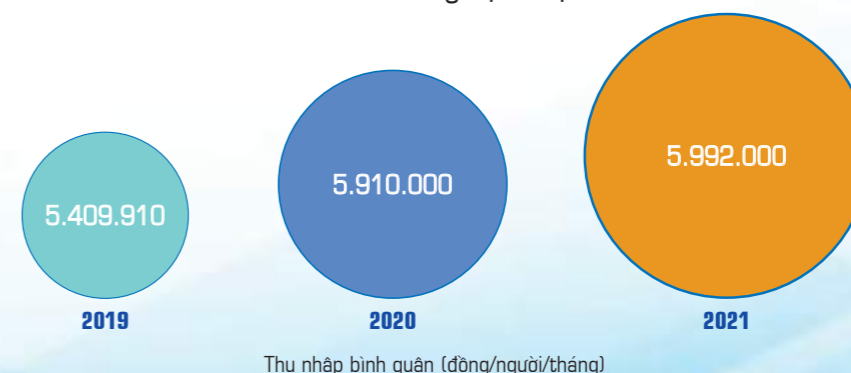
Thực hiện việc test Covid-19 cho người lao động theo quy định của từng địa phương; đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh cho người lao động làm việc. Các trường hợp không may bị nhiễm Covid-19, được công ty cho về nhà làm việc online và vẫn được hưởng lương.

Bên cạnh đó, với tình hình dịch bệnh kéo dài và diễn biến phức tạp, Công ty đã điều chỉnh lại chính sách tiền lương để vừa phù hợp với tình hình thực tế và vừa đảm bảo cho đời sống người lao động.

Tùy vào từng vị trí mà người lao động được công ty cử đi tham gia các lớp đào tạo như: “đảm bảo độ ổn định thuốc”, “nghiệp vụ xuất nhập khẩu”, ...Đối với đội ngũ nhân viên bán hàng, công ty tổ chức thường xuyên các lớp đào tạo nội bộ về sản phẩm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng bán hàng.

Đối với đội ngũ nhân viên khối phòng nghiệp vụ đều được trang bị kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của Bepharco, chức năng nhiệm vụ của từng phòng và định hướng phát triển sắp tới của Hội đồng quản trị. Từ đó, mỗi nhân viên hiểu về trách nhiệm của mình và thêm tin tưởng gắn bó với công ty.

Thu nhập bình quân đầu người tại Công ty năm 2021 đạt hơn 5,9 triệu đồng/tháng trong điều kiện tình hình kinh doanh khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, ĐẦU TƯ DỰ ÁN



Hoàn tất việc thoái vốn toàn bộ tại Công ty con Biopharco và nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty con Ypharco từ 82,2% lên 85,9%.

Để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống kho lạnh đạt chuẩn GSP tại trụ sở và văn phòng điều hành, cũng như hệ thống phân phối đạt chuẩn GDP cho tất cả 8 chi nhánh trực thuộc, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong toàn hệ thống.

Đầu tư thêm hệ thống xe tải, xe lạnh đạt chuẩn để phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa và nhu cầu công tác cho khối kinh doanh trong toàn hệ thống.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI (Công ty con)

Địa chỉ: 725 đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5200209230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 03/01/2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 09/05/2017.

Vốn điều lệ đăng ký: 42.429.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 42.429.000.000 đồng

Ngành nghề: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

Sản phẩm chính:

- + Nhóm giải cảm: Cảm xuyên hương, Giải cảm Yên Bái,...
- + Nhóm dạ dày: Bổ tì Y/B, H'Tiên YBA, Folitat dạ dày,...
- + Nhóm thần kinh: Hoạt huyết dưỡng não, An thần Yên Bái,...
- + Nhóm hô hấp: Thuốc ho thảo dược, Thuốc ho Hygia, Bổ phế tiêu đờm,...
- + Ngoài ra, công ty còn sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thuốc dùng ngoài và các sản phẩm khác.

Vốn góp của DBT tại Ypharco:

36.430.800.000 đồng

Tỷ lệ CP của DBT tại Ypharco:

85,9% Vốn điều lệ

Kết quả kinh doanh:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu thuần	126.243	55.717
Lợi nhuận sau thuế	-2.739	-5.278

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của CTCP Dược phẩm Yên Bái

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA (Công ty liên kết)

Địa chỉ: 509-515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300483319 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/08/2010, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 15/01/2018.

Vốn điều lệ đăng ký: 182.700.000.000đ | Vốn điều lệ thực góp: 182.700.000.000 đồng

Ngành nghề: Kinh doanh dược phẩm, nguyên liệu ngành dược, kinh doanh các mặt hàng dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng.

Sản phẩm/dịch vụ chính:

Nhập khẩu, phân phối dược phẩm, nguyên liệu làm thuốc, sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế.

Vốn góp của DBT tại Codupha:

42.269.500.000 đồng

Tỷ lệ CP của DBT tại Codupha:

23,14% Vốn điều lệ

Kết quả kinh doanh:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu thuần	2.936.074	2.430.458
Lợi nhuận sau thuế	18.128	16.750

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DBT VÀ HỢP NHẤT

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				Hợp nhất			
	31.12 2021	31.12 2020	Tăng/ giảm	Tỷ lệ %	31.12 2021	31.12 2020	Tăng/ giảm	Tỷ lệ %
Tổng tài sản	752,7	820,2	-67,5	-8,2%	787,0	897,6	-110,6	12,3%
+ TS ngắn hạn	594,2	616,9	-22,7	-3,7%	613,4	701,6	-88,2	12,6%
+ TS dài hạn	158,5	203,3	-44,8	-22,0%	173,6	196,0	-22,4	11,4%
Nợ phải trả	558,6	627,8	-69,2	-11,0%	587,4	650,4	-63,0	-9,7%
Vốn CSH	194,1	192,4	1,7	0,9%	199,6	247,2	-47,6	19,3%

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				Hợp nhất			
	31.12 2021	31.12 2020	Tăng/ giảm	Tỷ lệ %	31.12 2021	31.12 2020	Tăng/ giảm	Tỷ lệ %
Nợ phải trả	558,6	627,8	-69,1	-11%	587,4	650,4	-62,9	-9,7%
Nợ ngắn hạn	553,9	608,1	-54,2	-8,9%	568,5	628,4	-59,9	-9,5%
Nợ dài hạn	4,7	19,7	-15,0	-76,1%	18,9	22,0	-3,1	-14,1%
Vốn chủ sở hữu	194,1	192,5	1,7	1,0%	199,6	247,2	-47,7	-19,3%
Vốn CSH	194,1	192,4	1,7	0,9%	199,5	247,2	-47,7	19,3%
Nguồn kinh phí	0,05	0,05	0,0	0,1%	0,05	0,05	0,0	0,0%
Tổng nguồn vốn	752,8	820,2	-67,4	-8,2%	787,0	897,6	-110,6	-12,3%

Nguồn: BCTC của DBT và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021

VỀ TÀI SẢN

Tài sản ngắn hạn của công ty năm 2021 so với năm 2020 không có sự biến động lớn.

Tài sản dài hạn năm 2021 giảm 44,8 tỷ đồng so với năm 2020, tương đương mức giảm 22%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc công ty chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang theo Nghị quyết HĐQT số 02/27.04/NG-HĐQT ngày 27/04/2021. Ngoài ra, các khoản phải thu dài hạn cũng giảm 51% so với năm 2020 do giảm các khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng thầu với các bệnh viện.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn tăng 4,8 tỷ đồng so với năm 2020 là do: trong năm công ty đã đầu tư sửa chữa kho lưu trữ hàng hóa ở Bến Tre và Chi nhánh TP HCM với tổng chi phí khoảng 5,1 tỷ đồng và sẽ được bàn giao đưa vào sử dụng từ đầu năm 2022.

VỀ NGUỒN VỐN

Tình hình biến động nguồn vốn trong năm 2021 thể hiện trong bảng sau:

Tổng nguồn vốn năm 2021 giảm 67,4 tỷ đồng (giảm 8,2%) so với năm 2020, trong đó nợ phải trả giảm 69,1 tỷ đồng (giảm 11%) và vốn chủ sở hữu tăng 1,7 tỷ đồng (tăng 1%).

Trong năm, công ty đã trả nợ nhiều hơn mức vay mới, đồng thời phát hành thêm 676.302 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để tăng vốn góp của chủ sở hữu, điều này giúp cho tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn giảm từ 77% năm 2020 xuống còn 74% năm 2021 cho thấy cơ cấu nguồn vốn của công ty đang có sự thay đổi theo xu hướng an toàn tài chính hơn.

VỀ SỐ LIỆU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cấu trúc công ty hiện nay gồm Công ty mẹ, 01 Công ty con là công ty Cổ phần Dược Phẩm Yên Bái với tỷ lệ sở hữu là 85,9% và 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha với tỷ lệ sở hữu 23,14%

Trong năm 2021, Công ty đã thoái vốn tại Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang dẫn đến giảm quy mô về tổng tài sản, tổng nguồn vốn, doanh thu thuần trên báo cáo hợp nhất. Mặc dù vậy, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cũng như lợi nhuận sau thuế đều tăng so với năm 2020 cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng hiệu quả hơn. Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần theo số liệu hợp nhất đã tăng từ 25% năm 2020 lên 30% trong năm 2021.

Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm mạnh so với năm 2020 với mức giảm khoảng 24% nhờ vào việc công ty tập trung kiểm soát chi phí, xây dựng chính sách lương 3P giúp tạo động lực cho người lao động cũng như nâng cao hiệu quả công việc và đồng thời cắt giảm chi phí do lãng phí nhân sự.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/ giảm
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1.12	1.08	(0.04)
2	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.05	0.03	(0.02)
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0.72	0.75	0.03
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	2.63	2.63	-
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho	lần	1.82	1.07	-0.75
2	Vòng quay tổng tài sản	lần	1.04	0.73	0.31
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	1.71	2.08	0.37
2	ROE	%	5.88	5.71	-0.17
3	ROA	%	1.77	1.51	-0.26
4	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	2.19	2.82	0.63

Nguồn: Tổng hợp dựa trên BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 và năm 2021

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Khả năng thanh toán của công ty được đánh giá thông qua các hệ số như khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán nhanh, ... phản ánh khả năng thanh khoản của một doanh nghiệp, là chỉ tiêu để công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn.

Tại thời điểm 31/12/2021, hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty là 1,08 lần, năm 2020 là 1,12 lần (giảm 0,04 lần) cho thấy tại cả 2 thời điểm đầu năm và cuối năm, công ty có khả năng thanh toán được toàn bộ nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn (đầu năm thanh toán được 1,12 lần, cuối năm thanh toán được 1,04 lần). Điều này cho thấy phần vốn dài hạn của công ty sau khi tài trợ cho các tài sản dài hạn vẫn còn dư để tài trợ cho tài sản ngắn hạn, do đó đem lại sự ổn định, an toàn về tài chính cho Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Do đặc thù của ngành thương mại dược phẩm cần nguồn vốn xoay vòng lớn để tồn kho hàng hóa cung ứng cho các khách hàng nên các công ty thương mại thường dùng đòn bẩy tài chính cao và DBT cũng không ngoại lệ. Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn tại hai thời điểm cuối năm 2020 và cuối năm 2021 đều chiếm trên 70%, tuy nhiên, tỷ lệ này có xu hướng giảm dần. Song song với việc huy động vốn từ nợ vay, DBT đã thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược để đáp ứng phần nào cho các nhu cầu tài chính. Công ty dự định tiếp tục huy động vốn theo hình thức chào bán cổ phiếu nhằm nâng cao năng lực tài chính của Công ty trong thời gian tới.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng giảm trong năm 2021. Hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm trong năm 2020 là 1,82 lần, năm 2021 1,07 lần, giảm 0,75 lần chứng tỏ tốc độ luân chuyển hàng tồn kho trong năm 2021 khá chậm. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 tác động khá lớn đến hoạt động kinh doanh, kênh bán hàng ETC doanh số giảm sút dẫn đến lượng hàng tồn kho tăng cao.

Hệ số vòng quay tổng tài sản cũng giảm đáng kể so với năm 2020 xuống chỉ ở mức 0,73 lần, trung bình mỗi đồng tài sản của công ty chỉ tạo ra được 0,73 đồng doanh thu. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản trong năm 2021 chưa cao do những khó khăn khách quan từ dịch bệnh như đã nêu trên.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Do có nhiều khó khăn tác động đến Công ty trong năm 2021, các chỉ tiêu về năng sinh lời của công ty năm 2021 có xu hướng giảm so với năm 2020, tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) giảm 0,26%, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) giảm 0,17% cho thấy việc sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu chưa tạo ra được hiệu quả. Tuy nhiên hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đã có sự cải thiện khi tăng từ 1,71% năm 2020 lên 2,08% năm 2021. Điều này cho thấy các chiến lược kinh doanh của BGD công ty đã phát huy được hiệu quả khi tập trung vào các mặt hàng có biên lợi nhuận gộp cao nhằm gia tăng lợi nhuận sau thuế trên 1 đồng doanh thu thu được, đồng thời chú trọng việc cắt giảm các khoản chi phí cố định như chi phí quản lý doanh nghiệp. Công ty đã đề ra các kế hoạch để cải thiện hiệu quả kinh doanh, ứng phó với các khó khăn chung và khó khăn của đặc thù ngành trong năm tới.



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU DBT TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 21/02/2022

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Tổng số chứng khoán niêm yết: 14.205.116 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành: 0 cổ phiếu.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	1. TRONG NƯỚC	2130	13.807.377	97,20%
1	a. Cá nhân	2112	13.688.902	96,37%
2	b. Tổ chức	18	118.475	0,83%
II	2. NƯỚC NGOÀI	23	397.739	2,80%
1	a. Cá nhân	11	17.367	0,12%
2	b. Tổ chức	12	380.372	2,68%
	Cộng	2153	14.205.116	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 21/02/2022

5.3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ĐKDN	Số lượng CP nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Thứ Triệu	025898930	1.790.913	12,6%
2	Nguyễn Khắc Hanh	025476339	1.026.250	7,2%
	Cộng		2.817.163	19,8%

Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 21/02/2022 của CTCP Dược phẩm Bến Tre

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vào ngày 15/01/2021 Công ty đã hoàn tất hồ sơ phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của DBT, với tỷ lệ phát hành 20:1, tăng vốn điều lệ từ 135,28 tỷ đồng lên 142,05 tỷ đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong năm, Công ty tiêu thụ trên 380.000 kwh điện và trên 7.000 m³ nước để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh tại trụ sở, trên tinh thần tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Công tác xử lý chất thải luôn được Công ty chấp hành tốt các qui định về bảo vệ môi trường, ký kết hợp đồng với Công ty xử lý chất thải môi trường để định kỳ tiến hành thu gom và xử lý chất thải theo qui định.

Qua các đợt kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các qui định về an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường của các cơ quan ban ngành, Công ty luôn đảm bảo tốt các yêu cầu qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường, giữ gìn cơ quan xanh sạch đẹp.

Hưởng ứng các hoạt động chung tay cùng cộng đồng thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, Công ty đã hỗ trợ ngành y tế tỉnh Bến Tre, tỉnh Hậu Giang và TP Hải Phòng trang thiết bị y tế phòng chống dịch, với gần 15.000 bộ kit test nhanh Covid-19 và 2.000 khẩu trang.

Đồng thời, Công ty đã tổ chức thăm và tặng quà cho Đoàn cán bộ y tế tỉnh Bến Tre xuất quân hỗ trợ TPHCM chống dịch, tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại TPHCM trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, mỗi phần quà trị giá từ 350.000 - 500.000 đồng.

Hàng năm Công ty có nhận phụng dưỡng suốt đời 02 Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, tham gia đóng góp quỹ Máu ấm ngành y, Quỹ bệnh hiểm nghèo của ngành, trợ cấp cho các hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo.





III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Các hoạt động trong năm 2021



III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VỀ HÀNG HÓA VÀ SẢN XUẤT

- Công ty tập trung sản xuất kinh doanh dựa trên 02 nguồn hàng chính là nhóm hàng do các nhà máy của Công ty mẹ và Công ty con sản xuất, song song là các mặt hàng độc quyền phân phối từ các đối tác nước ngoài, với hơn 150 mặt hàng.

- Các nhóm hàng chính của Công ty gồm đông dược, hóa dược, sinh phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và trang thiết bị y tế, tập trung bán hàng chủ yếu vào hệ điều trị, kênh OTC, kênh dịch vụ và phủ khắp 63/63 tỉnh thành, được quản lý và điều hành bởi 8 chi nhánh trực thuộc tại Bến Tre, TPHCM, Cần Thơ, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Ninh Bình, Hà Nội và Yên Bái.

2. TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/20	31/12/21	Tăng/ giảm	Tỷ lệ
I	Nợ ngắn hạn	628.418	568.541	-59.878	-10%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	200.405	180.266	-20.138	-10%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	440	854	414	94%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.001	4.458	-3.543	-44%
4	Phải trả người lao động	7.493	9.931	2.438	33%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.885	5.561	676	14%
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	180	204	24	13%
7	Phải trả ngắn hạn khác	1.814	783	-1.031	-57%
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	403.907	365.514	-38.392	-10%
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.295	969	-325	-25%
II	Nợ dài hạn	21.963	18.894	-3.068	-14%
1	Phải trả dài hạn khác	131	1.083	952	730%
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21.832	17.812	-4.020	-18%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		650.381	587.435	-62.946	-10%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 của CTCP Dược Phẩm Bến Tre

Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng nợ phải trả của công ty là 587,44 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 568,5 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ gần 97%, nợ dài hạn là 18,89 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ khoảng 3% trong tổng nợ phải trả. So với năm 2020, tổng nợ phải trả theo số liệu hợp nhất đã giảm gần 63 tỷ đồng, tương đương giảm khoảng 10%, trong đó chủ yếu là giảm các khoản phải trả người bán ngắn hạn (giảm 20,1 tỷ đồng) và nợ vay ngắn hạn (giảm 38,3 tỷ đồng).

CÔNG NỢ PHẢI THU

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/20	31/12/21	Tăng/ giảm	Tỷ lệ
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	201.324	169.566	(31.758)	-16%
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	188.234	127.670	(60.564)	-32%
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.871	2.194	(1.677)	-43%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.356	40.531	29.175	257%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.138)	(0.829)	1.309	-61%
II	Các khoản phải thu dài hạn	4.970	2.476	(2.494)	-50%
1	Phải thu dài hạn khác	4.970	2.476	(2.494)	-50%
TỔNG NỢ PHẢI THU		206.294	172.042	(34.252)	-17%

Nguồn: : BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 của CTCP Dược Phẩm Bến Tre

Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng nợ phải thu của công ty là 172,04 tỷ đồng, giảm 31,76 tỷ đồng so với năm 2020, tương đương tỷ lệ giảm là 17%. Trong cơ cấu nợ phải thu chủ yếu là nợ phải thu ngắn hạn, chiếm tới 99% trong tổng nợ phải thu. Các khoản nợ phải thu giảm là do nợ phải thu ngắn hạn giảm, mà nhất là nợ phải thu khách hàng (giảm hơn 60 tỷ đồng so với 2020), cho thấy số vốn doanh nghiệp bị chiếm dụng đang có xu hướng giảm, giúp giảm bớt chi phí sử dụng vốn của Công ty.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Từ đầu năm 2021, Công ty đã đưa vào áp dụng chính sách tiền lương 3P cho toàn công ty. Với chính sách này, đã tạo động lực cho người lao động từ việc gắn hiệu quả công việc với thu nhập của người lao động. Mỗi vị trí làm việc đều có KPIs để đánh giá hiệu quả làm việc trong tháng; riêng đội ngũ trực tiếp hỗ trợ kinh doanh và cán bộ chủ chốt của công ty một phần thu nhập được gắn liền với hiệu quả kinh doanh của công ty.

Để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống kho lạnh đạt chuẩn GSP tại trụ sở và văn phòng điều hành, cũng như hệ thống phân phối đạt chuẩn GDP cho tất cả 8 chi nhánh trực thuộc, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong toàn hệ thống.

Đầu tư thêm hệ thống xe tải, xe lạnh đạt chuẩn để phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa và nhu cầu công tác cho khối kinh doanh trong toàn hệ thống.



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Cơ cấu lại hệ thống chức danh đồng bộ từ Công ty mẹ đến các Công ty con, từ Ban điều hành đến các khối kinh doanh, từ công tác tổ chức đến quản lý, vận hành và các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ.

Tiếp tục mở rộng đầu tư, nghiên cứu, triển khai đăng ký những sản phẩm mới, phát huy tối đa công suất của các nhà máy trực thuộc, phát triển đa dạng các nguồn hàng thông qua các đối tác trong và ngoài nước, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn công tác phục vụ điều trị và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phấn đấu đạt chỉ tiêu HĐQT đề ra là hàng năm hoàn tất việc nộp hồ sơ xin cấp số đăng ký mới từ 30-50 sản phẩm, đưa vào kinh doanh 5-10 sản phẩm mới trong năm 2022 và thiết lập quan hệ mới với đối tác nước ngoài hàng năm ít nhất 3-5 đối tác có qui mô lớn.

Tăng cường tìm kiếm và rà soát các cơ hội đầu tư để làm tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty mở rộng đầu tư, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tài sản và nâng cao năng lực quản lý.

Tiếp tục tập trung triển khai xây dựng bộ nhận diện thương hiệu từ Công ty mẹ đến các Công ty con, từ công tác truyền thông đến bộ nhận dạng sản phẩm, thể hiện sự đồng bộ, tính chuyên nghiệp và nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

Tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị kinh doanh, quản lý bán hàng còn đang triển khai dở dang một cách triệt để (ERP, HR, DSM), nhằm quản trị cả hệ thống kinh doanh một cách đồng bộ, chuyên nghiệp và phát huy mọi tiềm lực hiện có.





VI. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty
2. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh trong điều kiện năm 2021 đặc biệt khó khăn, dưới tác động của làn sóng dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần thứ 4 diễn biến vô cùng phức tạp. Tuy nhiên, với sự đồng lòng, quyết tâm cao độ, HĐQT và Ban điều hành đã có sự phối hợp đồng bộ, đưa ra những giải pháp cũng như điều chỉnh kịp thời giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo được giá trị cốt lõi của doanh nghiệp và phát triển theo đúng định hướng Hội đồng quản trị, Đại hội Cổ đông đã đề ra.

Hội đồng quản trị luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi, cũng như có những giải pháp thay đổi kịp thời giúp Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHCĐ đề ra.

Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT đề ra, trong năm Ban điều hành đã hoàn tất việc triển khai cơ cấu các khoản đầu tư ở các công ty con, cũng như việc tổ chức thành lập mới 02 Chi nhánh tại Bến Tre và Yên Bái nhằm củng cố mạng lưới tại miền Tây Nam Bộ và mở rộng thị trường Tây Bắc.

Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ đã đề ra

HĐQT đánh giá cao vai trò của Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ đề ra trước tác động tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần thứ 4 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và mọi hoạt động khác của Công ty. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện việc cơ cấu lại tỷ lệ sở hữu tại các công ty con và các chi nhánh mới một cách triệt để và hiệu quả.

Mặc dù doanh thu hợp nhất năm 2021 đạt 612 tỷ đồng, đạt 73% so với cùng kỳ và đạt 67% so với kế hoạch năm 2021; chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận sau thuế đạt 12,7 tỷ đồng, đạt 89% so với cùng kỳ, 66% so với kế hoạch. Tuy nhiên, trong điều kiện đặc biệt khó khăn của năm 2021, thì thành quả đạt được là kết quả của sự nỗ lực và nhanh chóng điều chỉnh kế hoạch kinh doanh thích ứng với sự thay đổi từ HĐQT đến cả Ban điều hành, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định trong năm 2021 và là nền tảng để phát triển trong các năm tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh Công ty để Hội đồng Quản trị nhận định, đánh giá và có sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời.

Công tác đầu tư, nghiên cứu sản xuất những sản phẩm mới trong hệ thống nhà máy trực thuộc Công ty, song song với việc phát triển các sản phẩm mới từ các đối tác nước ngoài để đưa về kinh doanh tại thị trường Việt Nam, cũng như mở rộng thêm thị trường trong khu vực Đông Nam Á bước đầu đã đạt được những kết quả nền tảng, là tiền đề để phát triển cho những năm tiếp theo.



2. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% so với TH 2021	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% so với TH 2021
Doanh thu	Tỷ đồng	581,0	650,0	112%	612,0	680,0	111%
LN trước thuế	Tỷ đồng	18,2	21,0	115%	17,7	26,0	147%
LN sau thuế	Tỷ đồng	13,8	16,8	122%	12,7	20,8	164%
Cổ tức	%	10%(*)	7%(**)				

(*) Chi bằng cổ phiếu, chi tiết theo tờ trình số 06/TTr-ĐHCĐ21 kèm tài liệu ĐHCĐ;

(**) bằng cổ phiếu hoặc bằng tiền

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TẠO CƠ CẤU CHUYỂN ĐỔI CỦA DBT ĐƯỢC CÂN ĐỐI VÀ HIỆU QUẢ HƠN

Đề đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2022, Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện các chủ trương đã triển khai trong năm 2020-2021 và tập trung một số chỉ tiêu trọng yếu như sau:

Tập trung triển khai kinh doanh những nhóm sản phẩm do hệ thống nhà máy trực thuộc Công ty sản xuất, nhóm sản phẩm do Công ty độc quyền phân phối, tiếp tục cơ cấu lại những nhóm sản phẩm chủ lực, có tiềm năng và mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới, hướng tới mục tiêu hàng năm hoàn tất việc nộp hồ sơ xin cấp số đăng ký mới từ 30-50 sản phẩm, đưa vào kinh doanh 5-10 sản phẩm mới trong năm 2022 và thiết lập quan hệ mới với đối tác nước ngoài hàng năm ít nhất 3-5 đối tác có qui mô lớn.



CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

- Tiếp tục kiện toàn mạng lưới phân phối để giữ vững địa bàn kinh doanh, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống lưu thông phân phối, đảm bảo mạng lưới phủ kín 63/63 tỉnh thành.
- Tiếp tục tăng cường và bổ sung nguồn nhân sự chất lượng cao để đẩy mạnh công tác tổ chức, quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Song song tiếp tục bổ sung đội ngũ nhân sự cho 03 kênh kinh doanh là hệ điều trị, OTC và dịch vụ (phòng khám, phòng mạch).
- Tổ chức triển khai và xây dựng hệ thống chức danh mới phù hợp mô hình tổ chức mới của Công ty trong thời gian tới.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

- Thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thông qua các phương án phát hành riêng lẻ, phát hành cổ phiếu ESOP nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh, đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường, ổn định nguồn vốn kinh doanh trong thời gian tới.
- Triển khai đầu tư mở rộng nhà máy tại các công ty con để phát huy tối đa hiệu quả lợi thế hiện có; cơ cấu lại các khoản đầu tư sau khi đánh giá lại hiệu quả nếu không có tiềm năng cho hoạt động kinh doanh chính; tăng cường tìm kiếm đối tác, doanh nghiệp sản xuất mới để mở rộng đầu tư, sáp nhập nhằm phát huy tối đa lợi thế sản xuất kinh doanh, mở rộng nhóm sản phẩm sinh hóa, hóa dược và nhóm sản phẩm khác.





V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm UBKT đã tổ chức họp 02 lần để đánh giá tình hình hoạt động của UBKT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

Hoạt động của UBKT trong năm 2021 tập trung vào các nội dung:

Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và các công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.

Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty

Kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ các qui trình, chuẩn mực kế toán, nguyên tắc hoạt động tài chính kế toán.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của UBKT theo Quy chế hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THƯ KÝ

- Thực hiện công bố thông tin bất thường và định kỳ theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và Ủy ban chứng khoán Nhà nước đúng thời gian qui định.

- Thực hiện ghi chép, lưu trữ các biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Thực hiện công tác tổ chức đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2020.

- Hoàn tất hồ sơ phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 20:1.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện 20 cuộc họp, ban hành 20 nghị quyết, tất cả thành viên HĐQT đều tham dự họp đạt tỷ lệ tham dự theo qui định. Tất cả các cuộc họp đều có sự tham dự của thành viên UBKT.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ
1.	Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	20/20	100%
2.	Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	08/08 (*)	100%
3.	Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	20/20	100%
4.	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	20/20	100%
5.	Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên	12/12 (**)	100%

(*) Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2021, gửi đơn xin từ nhiệm ngày 01/08/2021

(**) Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2021

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/05.01/NQ-HĐQT	05.01.2021	Thống nhất thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Bến Tre
2	01/20.01/NQ-HĐQT	20.01.2021	Thống nhất sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi vốn điều lệ
3	01/01.02/NQ-HĐQT	01.02.2021	Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và chi tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền
4	02/01.02/NQ-HĐQT	01.02.2021	Thống nhất bổ nhiệm, điều động nhân sự chủ chốt tại Chi nhánh Cần Thơ
5	01/24.02/NQ-HĐQT	24.02.2021	Thống nhất phê chuẩn biện pháp bảo đảm vay vốn
6	01/25.03/NQ-HĐQT	25.03.2021	Thống nhất thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP Yên Bái
7	02/25.03/NQ-HĐQT	25.03.2021	Thống nhất thông qua dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2021 và chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020
8	01/02.04/NQ-HĐQT	02.04.2021	Thống nhất bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
9	01/27.04/NQ-HĐQT	27.04.2021	Thống nhất bầu chọn Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
10	01/27.04/NQ-HĐQT	27.04.2021	Thống nhất thoái vốn tại CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang
11	01/05.05/NQ-HĐQT; 02/05.05/NQ-HĐQT	05.05.2021	Thống nhất miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thành lập Ủy ban kiểm toán, thông qua Quy chế làm việc của UBKT
12	03/05.05/NQ-HĐQT	05.05.2021	Thống nhất ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan với người nội bộ hoặc tổ chức có liên quan đến người nội bộ
13	01/16.06/NQ-HĐQT	16.06.2021	Thống nhất mua thêm cổ phần của CTCP Dược phẩm Yên Bái
14	01/07.07/NQ-HĐQT	07.07.2021	Thống nhất phân quyền các thành viên HĐQT
15	02/07.07/NQ-HĐQT	07.07.2021	Thống nhất phê chuẩn giới hạn tín dụng
16	01/30.07/NQ-HĐQT	30.07.2021	Thống nhất thay đổi thành viên Ủy ban kiểm toán
17	01/30.09/NQ-HĐQT	30.09.2021	Thống nhất ban hành Quy chế công bố thông tin
18	01/27.10/NQ-HĐQT	25.10.2021	Thống nhất phê chuẩn biện pháp đảm bảo vay vốn tại Ngân hàng
19	01/28.11/NQ-HĐQT	28.11.2021	Thống nhất thuê tài chính đầu tư phương tiện vận tải
20	01/06.12/NQ-HĐQT	06.12.2021	Thống nhất chủ trương cơ cấu nhân sự, danh mục đầu tư và triệu tập ĐHĐCĐ bất thường tại Công ty con

3. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông và của công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập luôn tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập luôn tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức.

4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

STT			Số tiền
1	Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	956.116.227
2	Bà Đậu Thị Thúy Mai	Phó Chủ tịch	162.000.000
3	Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	94.500.000
4	Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	1.101.813.942
5	Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	615.542.127
6	Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	536.812.374
7	Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	306.192.008
8	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	254.406.300
9	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	283.500.000
10	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	283.500.000
11	Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	13.500.000
12	TỔNG CỘNG		4.607.882.978

5. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ
1	Đậu Thị Thúy Mai	Phó Chủ tịch HĐQT (xin từ nhiệm ngày 01/08/2021)	2.116.520	706.520
2	Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.090.913	1.790.913
3	Nguyễn Khắc Hanh	Phó TGD, KTT	26.250	1.026.250
4	Triệu Văn Bảo Quốc	Nguyên Phó TGD (TLHĐ từ 01/09/2021)	11.013	13
5	Trần Thị Thanh Phượng	Nguyên Phó TGD (TLHĐ từ 01/09/2021)	26.313	16.300
6	Lê Thế Chiến	Người CLQ Ông Lê Văn Minh	40.000	0
7	Lê Thị Trúc Linh	Người CLQ Ông Lê Văn Minh	2.011.151	0
8	Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	641.812	0
9	Nguyễn Thị Cấp Tiến	Người được UQ CBTT	9.000	0

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021.

Đường link đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính của DBT:

<http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

Ngày 12 tháng 4 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỨ TRIỆU



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

Đường link đăng tải toàn văn
Báo cáo tài chính của DBT năm 2020 đã được kiểm toán

<http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

Số: 13/22/CBTT-DBT

TP. Bến Tre, ngày 24 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN
Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất đã được kiểm toán năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TP.HCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205 – số NB 207.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cấp Tiến.
7. Loại thông tin công bố: định kỳ
8. Nội dung của thông tin công bố:
 - a. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre được lập ngày 23/03/2022 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - b. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 là 12.745.322.645 đồng, giảm 1.517.328.411 đồng, giảm 10.64% so với cùng kỳ năm 2020, do năm 2021, kết quả kinh doanh tại các công ty con và công ty liên kết sụt giảm so với năm 2020, gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung trên báo cáo hợp nhất.
 - c. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 giảm 4.547.758.172 đồng so với báo cáo công ty tự lập, tương đương giảm 26.29%, nguyên nhân là do kiểm toán điều chỉnh lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha - bên liên kết của DBT, ảnh hưởng đến kết quả trên báo cáo KQHDKD hợp nhất.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



PHẠM THỨ TRIỆU

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
 1307
 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN ban hành bởi HOSE vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học, sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghè, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; và
- Số 91/21A, Đường Cảnh Mạn Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Đậu Thị Thủy Mai	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Thù Thêu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Khắc Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021

TIÊU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiêu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trần Gia Bảo	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Bà Đậu Thị Thủy Mai	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Đăng Nhật	Thành viên	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Bà Đỗ Trần Văn Hạnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Khắc Hành	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính của Nhóm Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- > lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- > thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- > nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- > lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và đo lường phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trưởng Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61607292/2297615A/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỌC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập Ngày 23 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Thị Thúy Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		613.423.111.092	701.638.384.392
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	10.962.837.445	31.642.636.526
111	1. Tiền		10.962.837.445	18.642.636.526
112	2. Các khoản tương đương tiền		.	13.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	11.190.035.616	55.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.190.035.616	55.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		169.560.058.896	201.323.789.500
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	127.670.244.140	188.234.206.927
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	2.194.398.58*	3.871.332.345
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	40.530.564.993	11.355.940.788
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(829.148.818)	(2.137.710.553)
140	IV. Hàng tồn kho	10	401.281.209.530	397.312.526.877
141	1. Hàng tồn kho		410.291.779.155	402.285.973.389
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.010.569.625)	(4.973.446.512)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.422.970.405	16.359.451.529
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	768.598.841	834.291.025
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	11.654.371.564	15.525.160.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		173.568.686.370	195.867.918.462
210	I. Phải thu dài hạn		2.476.235.711	4.970.414.087
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	2.476.235.711	4.970.414.087
220	II. Tài sản cố định		64.499.239.698	79.936.073.735
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	50.136.549.548	75.488.113.759
222	Nguyên giá		120.615.753.588	181.001.403.201
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(70.479.204.020)	(105.513.289.442)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	92.727.273	-
225	Nguyên giá		92.727.273	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	4.269.962.877	4.447.959.976
228	Nguyên giá		6.380.480.457	6.596.578.777
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.090.517.580)	(2.148.618.801)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	1. Nguyên giá		52.826.363	52.826.363
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(52.826.363)	(52.826.363)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.079.318.618	5.449.091.839
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	5.079.318.618	5.449.091.839
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		64.412.647.178	64.413.292.779
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16	64.412.647.178	64.413.292.779
260	VI. Tài sản dài hạn khác		57.101.244.165	51.199.046.022
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	50.946.193.369	43.193.320.437
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	30.3	4.594.858.574	3.387.860.862
266	3. Lợi thế thương mại	17	1.560.192.222	4.617.864.723
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		786.991.797.262	897.606.302.854

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		887.436.154.059	850.300.951.274
310	I. Nợ ngắn hạn		568.540.601.308	620.418.444.274
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	160.266.231.615	200.404.624.602
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		854.401.925	440.154.188
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	4.457.643.795	8.000.744.003
314	4. Phải trả người lao động		9.930.517.730	7.492.857.129
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	5.561.075.677	4.884.717.148
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		203.636.364	180.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	783.351.638	1.914.195.982
320	8. Vay ngắn hạn	22	365.514.433.900	403.906.829.403
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		989.386.264	1.294.507.819
330	II. Nợ dài hạn		10.094.472.751	21.962.507.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.082.651.200	130.500.000
338	2. Vay dài hạn	22	17.811.821.551	21.832.007.000
400	II). VỐN CHỦ SỞ HỮU		199.556.643.203	247.225.351.580
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	199.506.643.203	247.175.351.580
411	1. Vốn cổ phần		142.051.160.000	135.288.140.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		142.051.160.000	135.288.140.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		523.056.180	433.056.180
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(495.717.877)	896.826.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		9.354.804.815	9.354.804.815
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.536.822.093	2.536.822.093
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.187.353.277	42.615.082.359
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		25.351.157.008	31.310.437.024
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		11.836.196.269	11.304.645.365
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		8.349.184.535	56.051.619.255
430	II. Nguồn sinh phí		50.000.000	50.000.000
431	1. Nguồn kinh phí		50.000.000	50.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		706.991.787.282	897.606.302.854

Nguyễn Thủy Dung
Người lập

Nguyễn Khắc Mạnh
Kế toán trưởng



Phạm Phú Triệu
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm này	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	633.963.074.058	843.390.439.358
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(21.914.160.175)	(6.980.769.694)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	612.048.913.883	836.410.169.664
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(427.215.660.398)	(624.734.287.838)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		184.833.195.483	211.676.902.026
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	29.070.811.976	9.857.622.736
22	7. Chi phí tài chính	26	(24.649.138.829)	(26.760.271.692)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(23.361.003.006)	(23.842.446.049)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	16	1.390.888.994	4.314.917.461
25	9. Chi phí bán hàng	27	(137.102.508.913)	(133.411.871.093)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(38.268.792.458)	(47.400.418.508)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.273.467.045	10.275.800.930
31	12. Thu nhập khác	28	529.766.187	1.700.802.192
32	13. Chi phí khác		(104.223.473)	(2.823.706.608)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác		425.542.714	(1.123.104.416)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.699.009.769	17.152.776.514
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(6.180.684.836)	(5.182.431.500)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	1.206.997.712	2.272.306.042
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.745.322.645	14.262.651.056
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		13.624.386.269	11.304.645.365
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(879.063.624)	2.958.006.691

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.5	908	746
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.5	908	746



Nguyễn Thủy Dung
Người lập

Ngày 23 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Khắc Mạnh
Kế toán trưởng



Phạm Thử Triều
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.689.008.769	17.102.776.614
02	Điều chỉnh cho các khoản: Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 17	7.483.590.610	12.667.114.394
03	Dự phòng		3.476.463.713	5.594.054.965
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.496.051.868	1.264.189.604
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(22.588.651.943)	(8.672.074.247)
06	Chi phí lãi vay	28	23.361.003.008	23.842.446.048
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.929.457.021	51.848.507.278
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		25.905.078.240	(53.632.339.483)
10	Tăng hàng tồn kho		(14.218.970.906)	(111.003.485.260)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(40.428.931.403)	69.414.785.541
12	Tăng chi phí trả trước		(8.179.071.173)	(23.674.809.397)
14	Tiền lãi vay để trả		(23.608.346.855)	(23.331.020.748)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(8.806.675.782)	(1.791.866.824)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.174.540.357)	(1.144.860.887)
20	Lưu chuyển thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(37.682.061.721)	(93.315.109.380)
21	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(9.563.598.888)	(13.906.711.014)
22	Tiền thu do nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		158.879.055	-
23	Tiền mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(54.590.035.616)	(8.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		98.500.000.000	11.317.960.204
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(2.048.930.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.447.238.942	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		2.390.715.415	3.688.172.263
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		77.194.268.908	(4.800.578.647)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	22	580.995.738.197	828.114.445.768
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(623.406.320.149)	(728.703.794.132)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.3	(9.977.555.900)	(68.443.245)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(13.273.549)	(1.241.861.051)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(52.343.410.401)	98.100.547.338
50	Giảm tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(12.731.202.714)	(115.140.589)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		31.642.836.628	31.784.441.041
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		51.403.631	(20.683.924)
70	Tiền cuối năm	4	18.962.837.445	31.642.836.628

Nguyễn Thủy Dung
Người lập

Nguyễn Kiên Hành
Kế toán trưởng

Phạm Hữu Triệu
Tổng Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kế: thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 130038259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNDKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 557/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN do HOSE ban hành vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") là mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế, xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thời Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Vivaseen, Đường Tô Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chi Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Ngăn, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 97/21A, Đường Cảnh Mộng Tháng 5, Phường An Tiến, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, và

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 603 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 610)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	85,9	82,15
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	23,14	23,14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày hình ảnh tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình ưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con

Các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện bán lại và giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ hàng mua đang đi đường và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và sửa chữa, mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh cơ thành lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuế tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuế tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuế tài sản khác được phân loại là thuế hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuận từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 48 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Nhận liệu hàng hóa	10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuận từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được hình thành khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Có tức được nhận từ công ty liên kết được cân trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất trích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chúng khoản kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chúng khoản kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất trả trước;
- Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- Quyền phân phối sản phẩm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng, thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 8 tháng và công văn số 3279/CV-NVDTPC ký với Cục Thuế Tỉnh Yên Bái vào ngày 18 tháng 9 năm 2020 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất; kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá trị hợp nhất kinh doanh so với tỷ phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá lại thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong năm kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá đối với khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng Quản trị.

3.17 Tài trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai nếu tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trong yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán năm

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan với thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xel nghiệm, sản phẩm sinh học, sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người, và cho thuê kho bãi và mặt bằng. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm, dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. GIAO DỊCH CHUYÊN NHƯỢNG VÀ MẤT QUYỀN KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY CON TRONG KỲ

4.1 Tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Dược phẩm Yến Hải ("DYPH")

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty đã mua thêm 3,75% cổ phần DYPH với tổng giá phí là 2.048.930.000 VND, theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu từ 82,15% lên 85,9% vào ngày này. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 139.839.205 VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm.

4.2 Thanh lý Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang ("DNT")

Vào ngày 30 tháng 4 năm 2021, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong DNT cho nhà đầu tư khác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 22/27.04/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2021 với tổng giá trị là 68.894.944.757 VND. Theo đó, Nhóm Công ty hiện không còn nắm quyền sở hữu trong DNT sau ngày 30 tháng 4 năm 2021. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 18.951.380.399 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	13.784.759.491	14.794.990.916
Tiền mặt	5.178.077.954	3.847.645.612
Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	18.962.837.445	31.642.636.528

B. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	3.190.035.616	3.190.035.616	37.000.000.000	37.000.000.000
TỔNG CỘNG	11.190.035.616	11.190.035.616	55.000.000.000	55.000.000.000

(*) Đây là 50.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm và 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Toàn bộ khoảng trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 22.1)

(**) Đây là các khoản tiền gửi ngân hạn tại các Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4,6%/năm. Khoản tiền gửi này được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 22.1)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	127.500.471.992	188.116.938.180
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	169.772.148	117.266.767
TỔNG CỘNG	127.670.244.140	188.234.204.947
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(29.148.818)	(2.137.710.553)
GIÁ TRỊ THUẬN	126.841.095.322	186.096.494.394

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.137.710.553	310.484.654
Dự phòng trích lập trong năm	1.059.406.372	1.359.209.694
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.620.075.722)	(22.539.405)
Giảm dự phòng từ thanh lý công ty con	(747.892.385)	-
Xóa sổ	-	(109.444.390)
Số cuối năm	<u>829.148.818</u>	<u>2.137.710.553</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI ĐÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	2.194.398.581	3.321.132.345
PK Banlux BV	1.146.410.781	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dược liệu Sơn Tùng	262.753.957	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Dương	-	1.492.667.860
Công ty TNHH Vinaepoxy Việt Nam	-	569.945.000
Khác	785.233.843	1.258.519.485
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	550.200.000
TỔNG CỘNG	<u>2.194.398.581</u>	<u>3.871.332.345</u>

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	40.530.584.993	11.358.940.709
Tạm ứng chợ nhân viên	36.625.519.116	2.510.282.774
Kỳ quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.750.330.058	3.840.588.270
Các khoản chi hộ	431.554.868	1.264.292.144
Kỳ quỹ bảo lãnh dự thầu	703.180.953	140.369.081
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	2.958.885.000
Khác	20.000.000	541.563.520
Dài hạn	2.476.236.711	4.970.414.087
Đội dọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	1.140.000.000
Kỳ quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	705.276.231	3.504.014.087
Kỳ quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	230.000.000	230.000.000
Khác	400.959.480	98.400.000
TỔNG CỘNG	<u>43.006.821.704</u>	<u>16.329.354.796</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa (*)	553.842.165.013	(9.010.569.625)	368.701.290.926	(4.973.446.562)
Hàng đang đi trên đường	43.358.982.513	-	13.903.136.097	-
Nguyên liệu, vật liệu	6.569.941.181	-	15.390.649.802	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.606.347.424	-	922.978.049	-
Thành phẩm	3.914.343.024	-	5.361.808.492	-
Hàng gửi đi bán	-	-	4.935.645	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.174.378	-
TỔNG CỘNG	410.291.779.155	(9.010.669.625)	407.286.973.309	(4.973.446.562)

(*) Hàng tồn kho (dược phẩm các loại) đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.973.446.562	788.935.440
Dự phòng trích lập trong năm	18.138.695.092	11.704.430.861
Sử dụng và bán trong năm	(14.101.572.025)	(7.337.601.795)
Xuất hủy trong năm	-	(182.317.944)
Số cuối năm	<u>9.010.569.625</u>	<u>4.973.446.562</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	768.598.041	834.291.026
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	420.134.285	605.584.070
Chi phí mua bảo hiểm	181.498.939	70.129.387
Chi phí sửa chữa và bảo trì	111.652.388	67.555.515
Khác	75.413.229	91.022.053
Dài hạn	60.946.193.369	43.193.320.437
Tiền thuê đất trả trước (*)	44.477.329.995	36.782.820.570
Chi phí hợp tác kinh doanh (**)	4.156.930.162	4.836.597.202
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.082.538.955	1.553.067.285
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà kho	448.789.297	333.503.909
Quyền phân phối sản phẩm	-	583.333.333
Khác	782.604.560	103.998.141
TỔNG CỘNG	51.714.792.210	44.027.611.462

(*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre và tỉnh Yên Bái đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1)

(**) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo ngày 6 tháng 11 năm 2017 nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh chính. Chi phí này được Nhóm Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2018.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DNHN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐN

Nguyên giá:	VNĐ			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng
Số đầu năm	86.125.004.910	69.432.705.794	17.087.082.878	8.356.609.619
Mua trong năm	1.299.278.598	1.566.586.347	3.406.789.091	78.043.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.178.006.139	-	-	(3.729.417.421)
Phân loại lại	-	4.895.126.272	(839.795.531)	-
Giảm do thanh lý công ty con	(31.682.962.793)	(32.938.250.507)	(1.598.535.500)	(66.219.749.800)
Thanh lý trong kỳ	-	(212.818.182)	(3.229.700.146)	(3.442.518.328)
Số cuối năm	57.913.328.854	43.165.349.724	14.825.839.792	4.705.235.188
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	7.987.819.738	16.124.276.440	4.009.021.415	6.734.129.437
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	(37.150.785.636)	(50.638.081.354)	(10.073.479.720)	(1.650.942.680)
Khấu hao trong năm	(2.632.715.050)	(2.738.171.913)	(1.245.656.128)	(227.131.156)
Phân loại lại	-	(5.315.871.024)	(231.204.480)	5.221.162.168
Giảm do thanh lý công ty con	16.789.660.065	21.527.385.487	1.016.832.541	-
Thanh lý trong kỳ	-	212.818.182	2.576.976.778	-
Số cuối năm	(22.913.840.673)	(36.951.920.622)	(7.956.531.009)	(2.656.911.668)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	48.974.219.222	18.794.624.440	7.013.603.158	705.606.939
Số cuối năm	35.005.488.181	6.213.429.102	6.869.308.783	2.048.323.530
Trong đó:				
Tài sản cầm cố, thế chấp				
(Thuyết minh số 22.1 và 22.3)	24.634.570.804	2.243.272.071	2.813.541.014	-

26

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DNHN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐN

Nguyên giá:	VNĐ			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu hàng hóa	Tổng công
Số đầu năm	4.302.988.457	1.979.090.320	314.500.000	6.596.578.777
Mua trong năm	-	89.815.000	-	89.815.000
Phân loại lại	-	(325.913.320)	-	(325.913.320)
Số cuối năm	4.302.988.457	1.742.992.000	314.500.000	6.360.480.457
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	1.444.952.000	-	1.444.952.000
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	(438.441.925)	(1.698.693.544)	(10.483.332)	(2.148.618.801)
Hao mòn trong năm	(39.273.712)	(197.086.366)	(31.449.996)	(267.812.096)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	325.913.317	-	325.913.317
Số cuối năm	(477.715.637)	(1.570.868.615)	(41.933.328)	(2.090.517.580)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	3.864.546.532	279.396.776	304.016.668	4.447.959.976
Số cuối năm	3.825.272.820	172.123.385	272.566.672	4.269.962.877
Trong đó:				
Tài sản cầm cố, thế chấp				
(Thuyết minh số 22.1 và số 22.3)	3.535.662.769	-	-	3.535.662.769

27

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	VND
	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Mua trong năm	92.727.273
Số cuối năm	92.727.273
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm và cuối năm	-
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	92.727.273

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà kho và canteen	5.079.318.618	-
Thiết bị nhà máy vi sinh	-	5.156.140.939
Máy đóng gói chất lỏng tự động	-	292.950.900
TỔNG CỘNG	5.079.318.618	5.449.091.839

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Codupha"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0300453319 ngày 2 tháng 1 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính đã đăng ký của Codupha là kinh doanh dược phẩm (tân dược, đông dược), dụng cụ y tế thông thường, vắc xin, sinh phẩm y tế; bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty sở hữu 23,14% vốn cổ phần của Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày như sau:

	VND
	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Giá gốc đầu tư:	
Số đầu năm và cuối năm	48.108.225.000
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	6.305.067.779
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	1.390.898.994
Lỗi chênh lệch tỷ giá	(1.391.544.595)
Số cuối năm	6.304.422.178
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	54.413.292.779
Số cuối năm	54.412.647.178

Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha với giá trị 32.632.000.000 VND được sử dụng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận (Thuyết minh số 22/).

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND		
	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	3.284.615.191	4.309.280.504	7.593.895.695
Giảm do thanh lý	-	(4.309.280.504)	(4.309.280.504)
Số cuối năm	3.284.615.191	-	3.284.615.191
Giá trị phân bổ lũy kế:			
Số đầu năm	(1.395.981.453)	(1.580.069.519)	(2.976.050.972)
Phân bổ trong năm	(328.461.576)	(143.642.684)	(472.104.200)
Giảm do thanh lý	-	1.723.712.203	1.723.712.203
Số cuối năm	(1.724.422.969)	-	(1.724.422.969)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	1.888.653.738	2.729.210.985	4.617.864.723
Số cuối năm	1.560.192.222	-	1.560.192.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	180.266.231.815	200.248.808.525
Gedeon Richter Plc	76.580.005.794	31.309.635.797
Công ty TNHH Raptaxos Brot	55.135.716.868	73.385.708.734
Công ty cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	10.973.981.698	-
Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiến	-	10.990.242.843
Công ty TNHH Thiết Bị Khoa Học Lan Oanh	-	3.441.480.000
Công ty Cổ phần hóa chất Á Châu	-	3.051.180.000
Khác	37.576.527.515	78.069.558.351
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	157.818.077
TỔNG CỘNG	180.266.231.815	200.404.624.602

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI VỢP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế nộp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.909.865.502	3.252.536.732
Thuế thu nhập cá nhân	1.916.265.904	768.147.098
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	174.612.597	438.959.965
Thuế khác	-	-
TỔNG CỘNG	8.800.744.003	4.459.643.795
Phải trả		
Thuế giá trị gia tăng	15.525.160.504	11.654.371.564
Tăng trong năm	281.901.898.715	(255.247.072.614)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(11.337.824)	(265.424.053.313)
Giảm trong năm	(8.800.675.782)	(768.147.098)
	(3.280.128.961)	(438.959.965)
	(252.801.820.162)	(735.428.408)
	(20.745.516)	(255.247.072.614)
	(2.803.652.406)	(11.654.371.564)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	783.351.838	1.014.189.982
Có tức phải trả	429.488.150	419.557.899
Kinh phí công đoàn	341.601.688	191.557.182
Khác	12.262.000	1.203.084.921
Dài hạn	1.082.651.200	130.500.000
Kỳ quỹ đầu tư	1.082.651.200	130.500.000
TỔNG CỘNG	1.866.003.038	1.944.689.982

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chương trình quà tặng khuyến mãi	4.516.631.189	3.839.270.774
Phi dịch vụ chuyên nghiệp	255.800.000	110.000.000
Lãi vay	282.644.764	529.988.613
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	154.798.724	333.330.406
Khác	341.400.000	272.127.355
TỔNG CỘNG	5.561.078.677	4.804.717.148

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

	Số đầu năm		Số cuối năm		VND	
	Số đầu năm	Vay trong năm	Phần loại lại	Trả trong năm	Số cuối năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn:	623.528.829.623	572.880.830.106	5.835.384.340	(9.7.208.320.149)	385.575.433.500	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	399.079.752.766	572.880.830.106	-	(6.12.018.680.149)	359.941.902.723	
Vay các bên khác (Thuyết minh số 22.2)	187.436.637	-	-	(100.000.000)	87.436.637	
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	4.639.640.000	-	5.902.640.000	(5.089.640.000)	5.452.640.000	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 22.5)	-	-	32.454.540	-	32.454.540	
Vay dài hạn:	21.832.027.503	8.114.509.091	(5.335.354.342)	(6.232.959.000)	17.811.821.561	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.3)	17.832.027.000	5.850.000.000	(5.902.640.000)	-	17.779.367.000	
Vay một bên khác (Thuyết minh số 22.4)	4.000.000.000	2.200.000.000	-	(6.200.000.000)	-	
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 22.5)	-	64.909.091	(32.454.540)	-	32.454.551	
TỔNG CỘNG	625.738.835.453	585.595.739.197	-	(123.408.320.149)	383.323.255.061	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DNHN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)
-----------	-------------	-----------------------	------------------

Hình thức đảm bảo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	265.392.462.626	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2022 đến ngày 1 tháng 10 năm 2022	5,6 - 5,8
-------------	-----------------	---	-----------

30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành. 3.485.470 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược Yên Bái phát hành; Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng, Hàng tồn kho được phẩm các loại; Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê lại thửa đất số 13, số 77, số 80, số 81 tỉnh Bến Tre và các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược Bến Tre và quyền lợi sản phẩm sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phó Thủ Đức

Khoản vay 1	42.385.794.499	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022	6,0
-------------	----------------	---	-----

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/HDTG-KHDN/2020 trị giá 3.190.035.616 VND. Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha trị giá 32.632.000 VND; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất 295, tờ bản đồ số 84, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BA 166880, Hàng tồn kho được phẩm các loại

34

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DNHN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)
-----------	-------------	-----------------------	------------------

Hình thức đảm bảo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM

Khoản vay 1	29.941.578.682	Từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 đến ngày 20 tháng 9 năm 2022	5,5 - 5,8
-------------	----------------	--	-----------

Tin chấp

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái

Khoản vay 1	22.222.068.916	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2022 đến ngày 27 tháng 7 năm 2022	6,5
-------------	----------------	---	-----

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BD 202/192 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

TỔNG CỘNG 339.947.202.723

22.2 Vay ngắn hạn các bên khác

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre, từ nhân viên và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Nhóm Công ty Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.

35

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-ON/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)					
22.3 Vay dài hạn ngân hàng					
Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:					
<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ký hạn trở gốc và lãi</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Lãi suất (%/ năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái</i>					
Khoản vay 1	12.550.000.000	Ngày 8 tháng 12 năm 2027	Thanh toán tiền thuê đất	9	Quyền sử dụng đất thuê 50 năm tại tỉnh Bến Tre
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bến Tre</i>					
Khoản vay 1	5.809.007.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2024	Thanh toán tiền thuê đất	8	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BG 992958.
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái</i>					
Khoản vay 1	4.500.000.000	Ngày 29 tháng 09 năm 2026	Thanh toán các chi phí đầu tư của dự án cho vay vốn có định và liên thuế đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian.	8	Tài sản gắn liền với đất ln giá 2.966.068.582 VND
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre</i>					
Khoản vay 1	440.000.000	Ngày 18 tháng 11 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	8,9	Tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay 2	193.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
TỔNG CỘNG	23.232.507.000				
Trong đó:					
Vay dài hạn	5.452.640.000				
Đến hạn trả	17.779.867.000				
Vay dài hạn					

36

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-ON/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)					
22.4 Vay dài hạn một bên khác					
Khoản vay dài hạn là khoản vay từ cá nhân bà Nguyễn Thiên Nga để tài trợ vốn lưu động trong năm. Các khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn ngày 15 tháng 6 năm 2023 với lãi suất 8%/năm và không tài chính kết thúc cùng ngày.					
22.5 Các khoản thuế tài chính					
Chi tiết các khoản thuế tài chính được trình bày như sau:					
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính gốc thiếu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>		<i>VND</i>
<i>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</i>					
Từ 1 năm trở xuống	32.454.540	-	32.454.540	-	-
<i>Nợ thuế tài chính dài hạn</i>					
Từ 1-5 năm	32.454.551	-	32.454.551	-	-
TỔNG CỘNG	64.909.091	-	64.909.091	-	-

37

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	135.288.140.000	135.288.140.000
Vốn góp tăng trong năm	6.763.020.000	-
Số cuối năm	<u>142.051.160.000</u>	<u>135.288.140.000</u>
23.3 Cổ tức		
	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền cho cổ đông công ty mẹ	9.917.555.900	68.443.245
Cổ tức trả bằng tiền cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	13.273.549	-
TỔNG CỘNG	<u>9.930.829.449</u>	<u>68.443.245</u>

23.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	14.205.116	13.528.814
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	14.205.116	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.205.116	13.528.814
Cổ phiếu đang lưu hành	14.205.116	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.205.116	13.528.814

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.5 Lợi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	13.624.396.269	11.304.645.365
Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(724.593.600)	(706.638.275)
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	12.899.802.669	10.598.007.090
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	14.205.116	14.205.116
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	908	746

(*) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 20:1 đã thực hiện trong năm 2021.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	833.983.024.066	843.390.439.358
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	566.899.435.671	807.401.010.725
Doanh thu bán thành phẩm	65.817.055.580	34.780.446.265
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.162.409.095	1.121.618.181
Doanh thu cung cấp dịch vụ	84.123.709	87.164.187
Khoản giảm trừ doanh thu	(21.914.168.176)	(6.980.269.694)
Chiết khấu thương mại	(17.538.328.407)	(6.007.131.917)
Hàng bán bị trả lại	(4.353.033.367)	(276.113.753)
Giảm giá hàng bán	(22.808.401)	(697.024.024)
Doanh thu thuần	612.048.855.890	836.410.169.664
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	580.306.807.292	800.715.179.220
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	30.495.515.784	34.486.006.076
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	1.246.532.805	1.208.982.368
Trong đó:		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	611.367.119.857	744.219.753.437
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	681.736.024	92.190.416.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý công ty con	18.951.380.399	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.851.714.699	5.087.409.060
Lãi tiền gửi	2.085.493.485	4.357.156.756
Chiết khấu thanh toán	178.334.831	406.666.610
Khác	3.888.552	4.390.250
TỔNG CỘNG	29.070.811.976	9.857.622.736

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	376.648.774.525	557.248.318.093
Giá vốn thành phẩm	50.418.423.019	67.221.352.836
Giá vốn cho thuê hoạt động	148.462.854	264.598.709
TỔNG CỘNG	477.215.660.398	624.734.269.638

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.381.003.006	23.842.446.048
Chiết khấu thanh toán	673.283.243	950.966.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	614.871.780	1.986.858.891
TỔNG CỘNG	24.649.138.029	26.760.271.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	137.107.508.813	133.411.871.093
Chi phí nhân viên	80.280.073.810	85.777.497.431
Chi phí hàng khuyến mãi	22.461.826.871	7.537.570.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.457.186.930	26.463.681.889
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.132.934.433	1.229.820.088
Khác	9.770.466.769	12.403.301.392
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.289.792.458	47.400.418.508
Chi phí nhân viên	20.045.098.571	23.961.331.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.439.876.357	9.610.605.031
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.326.116.409	1.193.713.540
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 16)	472.104.200	759.369.568
Khác	4.988.596.919	11.875.378.541
TỔNG CỘNG	173.372.301.368	180.012.289.601

28. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi do thanh lý tài sản cố định	158.879.055	-
Xóa sổ công nợ	-	473.258.330
Tiền phạt và tiền bồi thường nhận được	-	368.807.610
Khác	370.887.132	658.536.252
TỔNG CỘNG	529.766.187	1.700.602.192

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	376.648.774.525	557.248.318.093
Chi phí nhân viên	115.442.808.320	126.151.290.259
Chi phí nguyên vật liệu	36.256.200.417	44.535.130.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.858.572.758	25.144.766.219
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12 và 16)	7.483.590.543	12.667.114.394
Chi phí khác	45.078.528.285	32.075.760.574
TỔNG CỘNG	593.768.472.848	796.822.378.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.160.684.336	6.811.942.363
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa những năm trước	-	(1.258.392.522)
Giảm thuế TNDN	-	(391.118.938)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.160.684.336	5.162.431.500
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.206.997.712)	(2.272.308.042)
TỔNG CỘNG	4.953.687.124	2.890.123.458

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.699.009.769	17.152.776.514
Thuế TNDN theo thuế suất: 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	3.539.801.954	3.430.555.301
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	1.055.774.472	519.153.418
Chi phí không được trừ	1.082.279.225	1.041.309.608
Lãi từ thanh lý công ty con	(445.988.728)	-
Phần lỗ từ công ty liên kết	(278.179.759)	(862.983.492)
Giảm thuế TNDN	-	(391.118.938)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(1.258.392.522)
Khác	-	411.592.083
Chi phí thuế TNDN	4.953.687.124	2.890.123.458

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
VND				
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí trích trước	1.097.161.032	937.233.881	169.927.151	937.233.881
Chi phí lãi vay	4.002.612.052	2.559.843.608	1.442.758.444	2.559.843.608
Lợi nhuận chưa thực hiện	326.471.517	806.484.191	(479.012.674)	(907.593.498)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và vận phòng	(831.386.027)	(914.700.518)	83.314.791	(317.177.949)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.594.850.574	3.387.860.862		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			1.206.997.712	2.272.308.042

30.4 Lỗi chuyển sang từ năm trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 6.859.460.180 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Có thể sử dụng		VND	
	Năm phát sinh đến	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
2016 - 2021	2021	7.615.747.120	(7.615.747.120)	-
2020 - 2025	2025	1.380.587.822	-	1.380.587.822
2021 - 2026	2026	6.278.872.358 (*)	-	6.278.872.358
TỔNG CỘNG		14.275.207.300	(7.615.747.120)	6.859.460.180

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DNHN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGUỒN VỐN VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trong yêu cầu Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Đến liên quan	Chi phí thuê văn phòng	849.752.160	1.145.535.530
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa Cả tức nhận được	685.005.260 2.958.865.000	725.993.440 3.804.255.000
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán Nội bộ và Ban Tổng Giám đốc:				
Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)		VND
		Năm nay	Năm trước	
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	956.116.227	564.300.000	
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	334.200.727	1.175.064.000	
Bà Đậu Thị Thủy Mai	Phó Chủ tịch	437.470.318	-	
Ông Phạm Thế Triệu	Tổng Giám đốc	1.124.450.306	1.079.865.000	
Ông Võ Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	-	239.631.444	
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	1.029.408.127	1.021.229.327	
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	536.812.374	534.042.499	
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	306.192.008	465.316.400	
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	254.406.300	455.077.489	
Bà Hoàng Thị Bình	Giám đốc	523.728.955	586.614.000	
Ông Đỗ Bảo Long	Phó Giám đốc	344.127.500	372.600.000	
Bà Hoàng Kiều Vân	Phó Giám đốc	334.035.936	249.623.800	
Bà Lê Thị Thu	Phó Giám đốc	212.954.900	-	
Ông Nguyễn Đức Sơn	Thành viên	13.363.636	39.000.000	
Ông Nguyễn Huy Thành	Thành viên	36.000.000	39.000.000	
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	319.500.000	303.300.000	
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	283.500.000	264.300.000	
Ông Lê Vĩnh Danh	Thành viên	13.500.000	144.300.000	
TỔNG CỘNG		7.059.755.314	7.534.283.958	

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DNHN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGUỒN VỐN VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

Đến liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	160.772.148	117.268.767
<i>Ứng trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	550.200.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Cả tức được chia	-	2.958.865.000
<i>Phải trả cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	157.818.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	15.044.564.189	14.993.654.570
Từ 1 - 5 năm	72.860.707.874	70.522.666.280
Trên 5 năm	34.286.548.616	14.695.075.271
TỔNG CỘNG	122.192.110.659	100.101.396.121

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.150.909.091	979.636.364
Từ 1 - 5 năm	1.849.110.909	1.570.000.000
TỔNG CỘNG	3.000.020.000	2.549.636.364

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI HÀNG CẦN ĐÓI KẾ TOÁN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Huỳnh Lê Duy Việt	-	5.283.260.500
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược Vật tư Y tế Quảng Ngãi	-	66.641.390
Đại lý Cao Văn Tươi	-	33.111.268
Đại lý 126 Phạm Thị Nga	-	6.584.879
Quầy thuốc 449 Trần Anh Tài	-	3.106.853
Ngoại tệ		
USD	49.262	234,24
EUR	17,265	201,85

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. ĐẠI DỊCH COVID-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và kết luận đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


 Nguyễn Thủy Dung
 Người lập


 Nguyễn Khắc Hạnh
 Kế toán trưởng


 Phan Thủ Triệu
 Tổng Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
 DƯỢC PHẨM
 BẾN TRE

CÔNG TY CỔ PHẦN
 DƯỢC PHẨM
 BẾN TRE



www.bepharco.com